

## NGHIỆP QUẢ

Có một lần, có người hỏi đức Phật, tại sao có người sanh ra lại giàu có trong khi những người khác nghèo khổ, có người được thân thể khỏe mạnh trong khi kẻ khác lại ốm yếu, bệnh tật. Tại sao có người lại đẹp đẽ và có người lại xấu xí? Tại sao có người có đông bạn bè, trong khi có người lại chẳng có một ai? Cái gì có thể giải thích được sự sai biệt này giữa mọi người với nhau? Đức Phật trả lời rằng mỗi người đều là kẻ thừa kế, thừa hưởng những nghiệp quả của chính họ đã tạo ra trong quá khứ. Thật ra, chính vì những việc làm trong quá khứ mà chúng ta sanh ra trong cõi này. Cuộc sống mà chúng ta đang kinh nghiệm trong giờ phút hiện tại đây, là kết quả huân tập của những việc ta đã làm trong quá khứ.

Đức Phật còn giải thích thêm những hành động nào sẽ đưa đến những kết quả ra sao. Ngài nói những ai giết kẻ khác sẽ bị chết yểu. Những ai phóng sanh sẽ có một cuộc đời trường thọ. Những người tạo khổ đau cho kẻ khác sẽ sanh ra ốm yếu bệnh tật. Những ai theo con đường không bạo động, sẽ có một sức khỏe lành mạnh. Đức Phật dạy rằng, những ai tham lam ích kỷ sẽ có một cuộc sống nghèo khó. Những ai biết bố thí, rộng rãi sẽ được giàu có sung túc. Đây chính là sự vay trả luật nhân quả. Mỗi một hành động sẽ tạo nên một kết quả đặc biệt.

Những ai buông lỏng trong sự tức giận, luôn luôn sử dụng ngôn ngữ thô lỗ, sẽ có một bề ngoài khó coi, xấu

xa. Còn những ai thực hành từ bi, ăn nói dịu dàng, sẽ có một bề ngoài đẹp đẽ, sáng sủa. Chúng ta là những người thừa tự các kết quả của hành động tạo mình trong quá khứ. Những người hay có hành động bất hòa, như là tà dâm, trộm cắp, sẽ bị giao du với những kẻ mê muội, không có bạn bè nhiều và sẽ không có cơ hội gặp được Phật pháp. Còn những ai biết giữ giới luật sẽ được gặp những hoàn cảnh thuận tiện, giao du với những thiện trí thức và được nhiều sự giúp đỡ trong cuộc sống. Những ai không bao giờ biết thắc mắc về cuộc sống này, không hề tìm hiểu tâm mình, cũng không cần để ý phân tách tự thể của sự vật chung quanh, sẽ sanh ra ngu si và mê muội. Còn những ai biết thắc mắc, tìm hiểu, luôn đi tìm câu trả lời cho cuộc sống này, sẽ sanh ra là một người sáng suốt. Tóm lại, tất cả chỉ là một sự vận hành của luật nhân quả.

Không có ai ở trên trời quyết định số mạng, vận mệnh của ta hết. Hiểu được luật nhân quả, ta sẽ có thể tự tạo lập số mệnh cho mình. Có những con đường dẫn ta đến nơi cao thượng, an lạc, cũng có những con đường đưa ta xuống chốn khổ đau. Khi chúng ta hiểu được điều này, ta có được hoàn toàn tự do trong sự chọn lựa của mình.

Có bốn loại nghiệp quả chánh tác dụng đến đời sống chúng ta. Loại thứ nhất được gọi là ***Nghiệp tái tạo***. Chúng là sức mạnh tạo bởi những hành động mà ta đã làm, có thể quyết định được cảnh giới cho kiếp sống tới. Những hành động này có khả năng dẫn ta tái sinh vào

cảnh giới của người, những cảnh giới thấp hơn, hay cảnh giới của trời hoặc của A tu la.

Loại thứ hai là **Nghiệp trợ duyên**. Đây là những hành động có ảnh hưởng duy trì và trợ lực cho nghiệp tái tạo. Thí dụ như ta có được một nghiệp tái tạo tốt và được sanh vào cảnh giới người. Đây là một sự tái sanh tốt, vào một cảnh giới có hạnh phúc. Nghiệp trợ duyên là những việc làm giúp cho kiếp sống làm người của ta được thuận lợi. Chúng duy trì cho nghiệp tái tạo được tốt và trợ lực cho các hạnh phúc được khởi sanh.

Loại thứ ba là **Nghiệp bổ đồng**. Nó có ảnh hưởng ngăn trở nghiệp tái tạo. Giả sử ta có những thiện duyên và được tái sanh làm con người, nhưng chúng ta lại bị đủ thứ mọi khó khăn, đau đớn, khổ cực. Đó là ảnh hưởng của nghiệp bổ đồng. Sự tái sanh được tốt. Nghiệp dẫn đến sự tái sanh có đầy thiện duyên, nhưng chúng bị ảnh hưởng của nghiệp bổ đồng làm suy nhược và trở ngại, khiến ta gặp nhiều hoàn cảnh khó khăn. Nhưng nghiệp bổ đồng cũng có tác dụng ngược lại. Giả sử có người bị tái sanh vào cảnh giới súc sanh. Đây là một nghiệp tái tạo xấu, vì ta bị sanh vào một cảnh giới thấp hơn. Nhưng nghiệp bổ đồng khiến cho kiếp thú đó lại trở nên rất dễ chịu, cũng giống như những con vật được nâng niu, chịu chuộng trong xã hội Tây phương. Những con vật này đôi khi lại còn được sung sướng, đầy đủ hơn nhiều người khác trên thế giới. Loại nghiệp này có tác dụng làm trở ngại nghiệp tái tạo xấu. Nó có ảnh hưởng hai chiều.

Loại nghiệp chót được gọi là ***Nghiệp tiêu diệt***. Nó có khả năng tiêu diệt hoàn toàn năng lực của một nghiệp khác. Giả sử bạn bắn một mũi tên vào không trung. Mũi tên bay theo một sức đẩy nhứt định nào đó, và nếu không bị ngăn trở, nó sẽ tiếp tục bay cho đến khi hết sức rồi sẽ rơi xuống. Nghiệp tiêu diệt cũng như một chướng ngại vật chặn đứng sức tiến của mũi tên và làm nó rơi xuống đất. Có những người bị chết sớm. Những người này có thể có nghiệp tái tạo và nghiệp trợ duyên tốt đẹp, nhưng vì một hành động xấu nào đó trong quá khứ mà nghiệp tiêu diệt đã làm ngưng đường bay của mũi tên, tiêu diệt mọi năng lực của các nghiệp tốt khác.

Trong thời của đức Phật, có một câu chuyện có thể thí dụ cho ta thấy sự hoạt động của những nghiệp này. Có một người nọ, ông ta cúng dường thực phẩm đến một vị A La Hán. Nhưng sau khi dâng thực phẩm lên, ông lại cảm thấy tiếc rẻ, hối hận. Chuyện kể rằng trong bảy kiếp liên tiếp, ông ta được sanh ra làm một nhà triệu phú nhờ kết quả của việc cúng dường. Cúng dường cho một bậc giác ngộ được phước báu rất lớn. Nhưng kết quả của sự hối hận, tiếc rẻ là mặc dù ông ta sanh ra giàu có nhưng lúc nào cũng keo kiệt, hoàn toàn không hưởng được sự sung túc của mình. Những nghiệp khác nhau đem lại những kết quả khác nhau, tùy thuộc vào trạng thái tâm của ta lúc ấy.

Nghiệp tái tạo rất quan trọng và cần được hiểu rõ, vì nó có tác dụng quyết định cảnh giới tái sanh của ta. Đây là

loại nghiệp hoạt động rất mạnh trong giây phút cuối cùng của sự sống. Trong giây phút lâm chung này, có bốn loại nghiệp có thể khởi lên:

- Thứ nhất là **Trọng nghiệp**, có thể là thiện hay ác. Trọng nghiệp thuộc về ác có năm thứ, được gọi là ngũ nghịch đại tội là: giết cha, giết mẹ, giết một vị A La Hán hay gây thương tích cho đức Phật và chia rẽ Tăng chúng. Một trong ngũ tội có khả năng vượt lên trên mọi hành động trong quá khứ và quyết định việc tái sinh. Chúng chắc chắn sẽ sanh quả. Những trọng nghiệp thuộc về thiện là kết quả của người đã đạt được trạng thái thiền định và họ giữ được cho đến khi lâm chung. Kết quả của nghiệp này là được tái sinh vào cảnh giới của Trời. Trọng nghiệp bao giờ cũng giữ một địa vị ưu thế hơn mọi loại nghiệp khác. Những trọng nghiệp khác thuộc về thiện là kết quả của những giai đoạn giác ngộ khác nhau. Chúng không quyết định chắc chắn cảnh giới tái sinh của ta, nhưng điều chắc chắn là nó se đi lên. Chúng ngăn chặn sự tái sinh vào những thế giới thấp kém.

- Những loại nghiệp không có một trọng nghiệp nào để làm điều kiện tái sinh thì được gọi là **Cận nghiệp**, tức là nghiệp tạo bởi những hành vi cuối cùng trước khi lâm chung. Nói một cách khác hơn, trong giờ phút lâm chung, nếu ta chợt nhớ đến những việc làm thiện, hay có ai nhắc nhở ta về những việc làm thiện, hoặc là ngay trước khi lâm chung ta làm một điều gì tốt, chúng sẽ trở thành nghiệp quyết định sự tái sinh của mình. Trong thời đức

Phật, có một tên sát nhân sắp sửa bị treo cổ, lúc ấy hẳn chợt nhớ lại trong đời có một lần hắn đã dâng đồ ăn cho ngài Sariputra, một đại đệ tử của đức Phật. Tư tưởng chót của anh ta trước khi chết là về món quà này. Mặc dù trong suốt cuộc đời, anh ta đã làm biết bao nhiêu điều tội lỗi, nhưng kết quả của tư tưởng lành cuối cùng đó đã giúp anh được tái sinh lên cõi trời. Và nó cũng có một tác dụng ngược lại. Nhưng chúng ta đừng nghĩ rằng những nghiệp thiện, ác tích lũy bấy lâu nay sẽ không theo ta. Nó chỉ có nghĩa là cận nghiệp, tức những hành động, những tư tưởng trong giờ lâm chung, có kết quả ưu tiên. Nó quyết định sự tái sinh của mình. Nhưng thường thì trong giờ phút lâm chung, tâm ta rất là tán loạn, sợ hãi, tập trung tâm mình để chỉ nghĩ về những sự việc, hành động thiện của mình không phải là một chuyện dễ làm.

- Nếu không có cận nghiệp, thì **Thường nghiệp** sẽ hiện diện. Những hành động lập đi, lập lại nhiều lần, những thói quen sẽ xuất hiện trong giờ phút lâm chung. Nếu có một người nào tạo nhiều nghiệp sát sanh, những tư tưởng ấy sẽ xuất hiện trong giờ phút cuối, vì là kết quả của thường nghiệp. Hoặc nếu có một người nào đó đã làm nhiều việc thiện, rất rộng rãi, hay đã ngồi thiền nhiều lần, trong giờ phút chót anh ta sẽ có thể nhớ lại những hành động ấy hay thấy lại một hình ảnh mình đang ngồi thiền trên một tọa cụ. Và nó sẽ trở thành nghiệp quyết định sự tái sinh kế tiếp của ta.

- Nếu không có trọng nghiệp, không có cận nghiệp, cũng không có một thường nghiệp vững mạnh nào thì ***Nghiệp tích trữ*** sẽ xuất hiện để hướng dẫn sự tái sinh của mình. Nếu cuộc đời chúng ta chỉ là một chuỗi dài vô tận của những hành vi thiện, ác lẫn lộn, thì bất cứ một hành động nào trong quá khứ cũng có thể khởi lên được trong giờ phút lâm chung.

Một thí dụ cho sự hoạt động của những nghiệp này là một đàn bò được nuôi lẫn lộn trong một vựa thóc. Buổi sáng khi mở cửa, con bò ra đầu tiên sẽ là một con bò khỏe mạnh nhất. Nó chen lấn, thúc đẩy những con khác qua một bên để được ra trước. Giả sử không có một con bò nào là khỏe mạnh nhất. Thì con ra trước nhất có thể là một con bò sữa, đứng cạnh cửa chuồng. Nó chỉ cần nhẹ nhàng tách mình đi ra. Rồi nếu thí dụ như chẳng có một con nào đứng gần ở cửa chuồng cả, thì con bò ra trước sẽ là con bò vẫn có một thói quen hướng dẫn những con khác. Và nếu như chẳng có con bò nào có thói quen đó, thì bất cứ con bò nào trong đàn đều có thể là con ra trước. Nghiệp lực cũng hoạt động tương tự như thế vào giây phút chót: Trọng nghiệp, Cận nghiệp, Thường nghiệp và Tích trữ nghiệp.

Có một yếu tố để giữ cho ta lúc nào cũng tiến về sự thanh nhẹ, hạnh phúc và an lạc, đó chính là chánh niệm. Chánh niệm có ảnh hưởng đến kết quả của Trọng nghiệp, vì yếu tố giác ngộ. Chánh niệm cũng có ảnh hưởng đến kết quả ở Cận nghiệp. Nếu chúng ta có ý thức một cách sâu sắc,

thì dù trong giờ phút lâm chung, tâm ta lúc nào cũng được quân bình và không bị chi phối bởi những sự bất thiện. Chánh niệm cũng là Thường nghiệp. Nếu chúng ta thực tập mỗi ngày một cách chuyên cần, chánh niệm sẽ tự động khởi lên trong giây phút lâm chung. Ý thức chánh niệm mà chúng ta đang tu tập ở đây, nó là một năng lực vô cùng quan trọng. Chính nó sẽ là một yếu tố quyết định nơi loại nghiệp hoạt động trong giờ phút lâm chung.

*Hỏi: Những sinh linh ở các cõi thấp hơn chúng ta có tạo nghiệp không? Thí dụ như một con chó có thể tạo nghiệp vì sự hiền lành, dễ thương hay hung dữ, bạo động của nó không?*

Đáp: Ai cũng tạo nghiệp cả, loài thú cũng vậy. Bạn có thể thấy những con vật rất dữ tợn. Bạn có thể thấy được sự sợ hãi, giận dữ, thù ghét ở nơi chúng. Cũng có những con vật rất đẹp, dễ thương, thoải mái. Tất cả đều tùy thuộc vào phẩm chất của tâm.

*Hỏi: Có nghiệp chung cho một gia đình không?*

Đáp: Có một loại nghiệp được gọi là Cộng nghiệp. Thí dụ như một quốc gia theo một chánh sách nào đó, sẽ tạo nên một cộng nghiệp cho quốc gia ấy. Chúng ta chịu chung nghiệp với những người khác, nếu chúng ta chấp nhận hành động của họ. Nếu chúng ta có tư tưởng chấp nhận việc làm của một người nào, thì nghiệp lực sẽ phát sinh. Bạn có thể thấy rõ điều này vào thời chiến tranh.

Những ai ủng hộ cuộc chiến sẽ phải cùng nhau chia xẻ nghiệp ấy. Còn những người không chấp nhận, sẽ tránh khỏi việc chịu chung cộng nghiệp đó. Khi còn ở Ấn Độ, tôi có quen một người bạn từ Hòa Lan. Anh ta kể lại chuyện gia đình anh trong kỳ thế chiến thứ hai vừa qua. Anh nói rằng, không hiểu vì sao gia đình anh lúc nào cũng có đầy đủ thực phẩm. Mặc dù cả nước đang ở trong một tình trạng khủng hoảng, thiếu thốn thực phẩm, nhưng đây đó vẫn có một số người không phải chịu chung một hoàn cảnh đó. Bạn có thể thấy được ảnh hưởng của công nghiệp trên những người không tham dự hay ủng hộ đường lối bất thiện của một quốc gia, một nhóm; họ không chịu chung một số mệnh. Và những người tán thành các hành động, chính sách nhân đạo sẽ huân tập được những thiện nghiệp về sau.

*Hỏi: Nhiều khi những dành từ và thí dụ ông dùng làm cho tôi lộn xộn.*

Đáp: Dẹp qua một bên những thí dụ. Hãy đi thẳng vào mà kinh nghiệm thế nào là chánh niệm. Khi có một tư tưởng khởi lên, bạn có hai sự chọn lựa: tư tưởng có thể khởi lên rồi bạn hoàn toàn bị nó lôi cuốn theo, không còn ý thức được mình đang nghĩ gì. Hay là có sự hiện diện của chánh niệm và ý thức được rằng có một tiến trình tư tưởng đang hoạt động. Mỗi khi có chánh niệm, đối với tư tưởng hay bất cứ một đề mục nào, chúng sẽ đến rồi đi, nếu được ý thức một cách rõ ràng, tâm ta sẽ giữ được quân bình sau khi đó.

Với tất cả những danh từ, chữ nghĩa mà tôi dùng có người lãnh hội được, có người không điều đó không quan trọng. Hãy dùng những danh từ, ý niệm nào giúp bạn làm sáng tỏ được vấn đề, còn lại thì cứ bỏ hết. Chỉ có kinh nghiệm được những gì đang xảy ra mới là quan trọng, chứ không phải mê tín, chấp nhận vào những điều gì người khác nói. Trí tuệ phát xuất từ một nội tâm thanh lặng, chứ không phải qua những lời phân tích, bàn luận về các chuyện đang xảy ra.

*Hỏi: Nhưng mà nhiều khi người ta ăn một cái bánh vì bề ngoài, màu sắc của nó.*

Đáp: Cứ việc dùng bề ngoài, bất cứ màu sắc nào hấp dẫn bạn. Nhưng nhớ phải ăn cái bánh! Có một câu chuyện sau đây:

Có một ông giáo sư đại học nọ đi biển trên một chiếc tàu nhỏ. Một đêm nọ ông đi gặp người thủy thủ già và nói:

- Này ông già kia, ông biết gì về Đại dương học?

Người thủy thủ già thật ra chẳng hiểu danh từ đó có nghĩa là gì. Ông giáo sư nói:

- Ông thật đã phí một phần tư cuộc đời mình! Sống cả đời trên biển mà lại không biết gì về Đại dương học.

Đêm kế đó, ông giáo sư lại đi tìm người thủy thủ già và nói:

- Ông già kia! Ông biết gì về Khí tượng học?

Một lần nữa, ông thủy thủ già cũng chưa từng nghe danh từ đó bao giờ.

- Môn học về thời tiết đó!

- Vậy à, thật ra tôi chẳng biết gì về môn đó cả.

- Vậy là ông đã phí cả nửa đời mình rồi!

Đêm kế đến, ông giáo sư lại đi tìm người thủy thủ già, nói:

- Ông biết gì về Thiên văn học?

- Tôi không biết gì cả.

- Ông đi biến cả đời, ông cần những vì sao để định phương hướng mà ông lại không biết gì về Thiên văn học cả. Ông thật đã hoang phí cả ba phần tư đời mình rồi! Uổng thật.

Đêm hôm sau, người thủy thủ già vội vã đi tìm ông giáo sư già và nói:

- Giáo sư, ông biết gì về Bơi lội học?

Ông giáo sư lắc đầu:

- Tôi không biết gì hết, tôi chưa có học bơi bao giờ cả.

- Ô, vậy thì tội nghiệp cho giáo sư quá, tàu đang chìm!  
Giáo sư đã hoang phí cả cuộc đời mình rồi!

Chỉ có môn Bơi lội học mới thật sự là quan trọng.

.....

## **Nghiệp Báo**

*"Tất cả chúng sanh đều có cái nghiệp của mình." --  
Trung A Hàm*

---

Định luật nhân quả trong lĩnh vực tinh thần đạo đức là  
Nghiệp Báo, Kamma [1].

Tái Sanh là hệ luận tự nhiên của Nghiệp. Nghiệp Báo và  
Tái Sanh là hai giáo lý căn bản trong đạo Phật có liên  
quan mật thiết với nhau.

Từ trước thời Đức Phật, hai học thuyết Nghiệp Báo và  
Tái Sanh đã được truyền bá sâu rộng tại Ấn Độ. Tuy  
nhiên, chính Đức Phật đã giải thích tận tường và trình  
bày đầy đủ Giáo Pháp cao siêu ấy, đến nay vẫn còn lưu  
truyền.

Vì sao có sự bất đồng trong nhân loại?

Ta phải giải thích thế nào những chênh lệch tựa hồ như bất công trong thế gian?

Tại sao có hạng người sanh trưởng trong cung điện nguy nga, giàu sang vinh hiển, trí tuệ xuất chúng, đạo hạnh thanh cao, thân hình tráng kiện, trong khi ấy có kẻ khác lại phải chịu sống trong cảnh cùng đinh, cơ hàn khôn khổ? Tại sao người kia có tiền của ức triệu mà người nọ lại thiếu trước hụt sau? Tại sao có người thông minh tuyệt vời và có kẻ tối tăm ngu muội? Tại sao người này được sanh ra với bản tánh hiền lương của các bậc thánh nhân, kẻ nọ lại sẵn nét hung dữ từ khi lọt lòng mẹ? Tại sao có hạng thần đồng thông suốt nhiều thứ tiếng, có hạng thần đồng về môn toán học, thần đồng về khoa hội họa, văn chương, âm nhạc v.v...? Tại sao có những trẻ em sanh ra đã mù, điếc, câm, ngọng hoặc kỳ hình dị thể? Tại sao có những trẻ em vừa mở mắt chào đời đã được hưởng mọi phúc lành, và có em lại bị xem như một tội khổ?

Có chăng những nguyên nhân nhất định, tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong thế gian? Nếu không, những trạng thái bất đồng kể trên hẳn là những sự kiện ngẫu nhiên xảy ra hoàn toàn do sự may rủi.

Bậc trí tuệ không thể tin nơi sự may rủi mù quáng và không chấp nhận lối giải thích bằng sự ngẫu nhiên.

Trong thế gian này không có điều chi xảy đến cho người nào mà không do một hay nhiều nguyên nhân. Quả vui,

quả khổ của những người đang gặt hái đều trở sanh do những nhân tốt hay xấu đã tạo, hoặc trong kiếp hiện tại, hoặc trong những kiếp quá khứ. Nhưng với lý trí phàm tục, với sự hiểu biết tùy thuộc nơi giác quan của nhục thể, không dễ gì thấu triệt những nguyên nhân vô hình và phức tạp của guồng máy thế gian. Ta chỉ thấy hiển hiện trước mắt cái quả đang trở mà không thấy được tất cả các nguyên nhân vi tế đã tạo điều kiện cho quả ấy phát sanh, vì nhân kia không phải hoàn toàn được tạo nên trong kiếp hiện tại mà có thể được rải rác gieo trồng từ vô lượng tiền kiếp.

Có chăng những bậc cao minh sáng suốt, tiếp nhận được bằng tuệ giác những điều mà mắt thịt tai phàm không thể nghe thấy? Phật Giáo xác nhận rằng có thể có.

Vài hệ thống tín ngưỡng chủ trương rằng tất cả các sự khác biệt trong đời đều do một nguyên nhân duy nhất, và nguyên nhân ấy là do sự quyết định tối cao của Đấng Tạo Hóa. Đức Phật không nhìn nhận có một Đấng Tạo Hóa toàn tri, toàn năng, tạo ra càn khôn vũ trụ.

Các nhà bác học hiện đại giải thích thế nào sự chênh lệch của nhân loại?

Căn cứ trên sự cảm nhận của giác quan, nhà khoa học cho rằng tình trạng bất đồng kia do những nguyên nhân vật lý và hóa học hỗn hợp, do truyền thống và do giới thân cận.

Nhà sinh lý học trứ danh, ông Julien Huxley, có viết như sau:

"Mầm giống sơ khởi cấu tạo con người là những đơn vị sinh lý gọi là "gene" (gene là những cực vi tế bào trong tinh trùng do đó mầm giống của cha truyền sang con gọi là định luật truyền thống).

Có những loại "gene" tạo ra màu sắc cho cơ thể. Có loại chi phối bề cao, sức nặng. Có loại ảnh hưởng tới khả năng sinh sản, tuổi thọ, và sức khỏe của con người. Cũng có loại "gene" ảnh hưởng đến hình hài thể vóc. Phần lớn các đặc tánh di truyền, nếu không phải là tất cả, đều do các đơn vị sinh lý "gene" chi phối.

"Riêng về những đặc tính tinh thần - phức tạp và tế nhị hơn - thật khó mà chứng minh một cách cụ thể. Mặc dầu có những sự kiện hiển nhiên có sự di truyền thuộc về tinh thần, nhưng không có hiện tượng nào xác nhận rằng những đặc điểm tinh thần từ ông bà cha mẹ truyền xuống cho con cháu phải theo một thể thức nào giống như thể thức truyền thống về xác thịt.

"Mọi truyền thống, tinh thần và vật chất, bằng cách này hay cách khác, đều tùy thuộc nơi tác động tương quan giữa các bẩm thụ "gene" mà mỗi người mang trong mình từ lúc mới được thụ thai."

Ta phải nhìn nhận rằng tất cả các hiện tượng lý-hóa mà nhà khoa học hiện đại nêu lên đã giải thích một phần vấn đề. Tuy nhiên các hiện tượng lý-hóa ấy không thể là nguyên nhân duy nhất quyết định sự khác biệt tế nhị giữa những cá nhân. Nếu thuyết truyền thống hoàn toàn là đúng, nếu con cái nhất định phải giống cha mẹ, thì ta phải giải thích thế nào trường hợp hai bé sanh đôi, thụ hưởng một thứ sanh khí, một thứ "gene", được nuôi dưỡng in như nhau, tại sao bả́m tá́nh của mỗi em lại khác? Trí tuệ và tá́nh nét lại càng khác biệt.

Truyền thống không đủ để giải thích chỗ âm u sâu rộng của vấn đề chênh lệch trong đời. Đúng ra, thuyết này giải thích những chỗ giống nhau nhiều hơn là chứng minh những điểm dị biệt. Hạt "gene" cực kỳ vi tế - lỗi một phần ba chục triệu của một phân Anh ( $1/30.000.000$  inch) - chỉ giải thích được một phần vấn đề, phần vật chất. Đối với sự chênh lệch tinh thần, trí tuệ đạo đức, vô cùng phức tạp và tế nhị hơn, chúng ta vẫn còn cần nhiều tia sáng khác. Truyền thống không thể giải thích tại sao có những đứa con hung dữ, sát nhân, trong một gia đình có tiếng là lương thiện, và trái lại, có những trẻ con hiền từ, sanh trưởng trong một gia đình hung ác. Thuyết truyền thống cũng không thể giải thích do đâu có những thần đồng, những bậc vĩ nhân, những bậc Đại Giáo Chủ v.v...

Luận về thuyết truyền thống, Tiến sĩ Th. Pascal viết như sau trong quyển "Reincarnation":

"Quay về vai trò của bẩm thụ "gene" trong vấn đề truyền thống, chúng ta lập lại rằng bẩm thụ vật lý "gene" tự nó giải thích phần vật chất của con người. Về khả năng trí thức và đạo hạnh, bẩm thụ "gene" không rọi được tia sáng nào. Nếu bẩm thụ "gene" cấu tạo được trọn vẹn con người, ta sẽ tìm thấy trong mọi người tất cả bẩm tánh của cha mẹ và không khi nào có những tánh khác.

"Như vậy sẽ không có những người con sát nhân trong gia đình lương thiện và cũng không có những bậc hiền nhân sanh trưởng trong gia đình hung ác. Trong đời sống hằng ngày ta có thể gặp hai đứa trẻ sinh đôi, cùng cha, cùng mẹ, cùng thừa hưởng một bẩm thụ của cha mẹ, cùng được sanh ra trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong một giới thân cận, thân hình, mày mắt thật giống nhau, những một đứa thì hiền lương, còn một đứa thì hung ác tàn bạo. Ngoài ra, số trẻ thần đồng cũng khá nhiều và đủ làm bối rối các học giả chủ trương thuyết truyền thống. Nếu đi ngược dòng thời gian, phăng mãi lên trong gia phả các vị thần đồng, ta có thể tìm được chẳng những vị tổ tiên cũng thần đồng như vậy? Vậy, không phải tất cả bẩm tánh và trí tuệ của con người đều do nơi cha mẹ, ông bà, cũng không truyền lại hết cho con. Bằng chứng là trong hàng con cháu của Mozart, Beethoven và Dantes không có một thần đồng hay một vĩ nhân nào, và trong phạm vi của các nhà duy-vật-học,

chưa có gì chứng minh được thuyết truyền thống một cách thiết thực.

"Về mặt thể xác, không phải tất cả đặc điểm vật lý của cha mẹ đều được truyền hết cho con, trí tuệ và tính nết mỗi người con một khác [2] và nhiều gia đình lương thiện lấy làm đau khổ mà sanh ra những đứa con ngỗ nghịch bất lương."

Phật Giáo cũng nhìn nhận có phần ảnh hưởng của sự truyền thống và của giới thân cận, nhưng cho rằng không đủ. Phật Giáo thêm vào đây định luật Nghiệp Báo (Kamma), tức là sự tổng hợp các hành động khác trong quá khứ và hiện tại. Chính chúng ta phải lãnh phần trách nhiệm về những hành động của chúng ta trong quá khứ và gặt hái hoàn cảnh an vui hay đau khổ trong hiện tại. Chính ta tạo thiên đàng cho ta. Cũng chính ta tạo địa ngục cho ta. Ta là người xây dựng tương lai của ta. Chính ta tạo cái mà người thế gian gọi là Định Mệnh.

### **Nguyên Nhân của Sự Chênh Lệch**

Thuở Đức Phật còn tại tiền, có chàng thanh niên tên Sudha, thắc mắc trước trạng huống bất đồng giữa loài người, muốn tìm chân lý, đến gần Ngài và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do nào và nguyên nhân nào trong đời có người yếu (appayuka) và có người thọ (dighayuka), người bệnh hoạn (bavhabadha) và người

khỏe mạnh (appabadha), người xấu xa (dubbanna) và người đẹp đẽ (vannavanta), có hạng người làm gì cũng không ai làm theo, nói gì cũng không ai nghe (appesakka) và hạng người có thể lực, làm gì cũng có người theo, nói gì cũng có người nghe (mahesakka), có người nghèo khổ (appabhoga) và người giàu sang (mahabhoga), có người sanh trưởng trong gia đình bần tiện (nicakulina) và có người dòng dõi cao sang (uncakulina), có người dốt (duppanna) và có người trí tuệ (pannavanta)?

Đức Phật trả lời vấn đề như thế này:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái Nghiệp (Kamma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh. [3]"

Rồi Đức Phật giải thích cho Subha nghe từng trường hợp:

"Nếu người kia trọn đời chỉ biết sát sanh, người thợ săn chẳng hạn, bàn tay luôn luôn đẫm máu, hằng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương. Do tính hiếu sát ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ là một người có mạng "yếu".

"Nếu người kia luôn luôn thận trọng, không hề xác phạm đến tính mạng của ai, sống xa gươm đao, giáo mác và các

loại khí giới, lấy lòng tứ ái đối với tất cả chúng sanh. Do sự không sát sanh (Tâm Từ) ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ trường " thọ".

"Nếu người kia độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, luôn luôn dùng đâm đá và gươm đao đối xử với mọi người. Do nét hung dữ, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ uơu yếu bệnh hoạn.

"Nếu người kia không bao giờ làm tổn thương ai khác. Do đức tánh hiền lương nhu hòa, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ được mạnh khỏe.

"Nếu người kia thô lỗ, cộc cằn, luôn luôn giận dữ, chưởi mắng, nguyên rửa kẻ khác. Do hậu quả của sự thô lỗ, cộc cằn ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ xấu.

"Nếu người kia thanh tao nhã nhặn, dầu ai có chưởi mắng thậm tệ cũng không hề oán giận và tìm cách trả thù. Do hậu quả của phong thái thanh nhã ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ đẹp đẽ.

"Nếu người kia có tánh đồ kỵ, thềm thường, ham muốn lợi danh của kẻ khác, không biết tôn kính người đáng kính, luôn luôn chứa chấp lòng ganh tỵ. Do hậu quả của tính tật đồ ganh ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người có ảnh hưởng, nói gì không ai nghe, làm gì không ai theo.

"Nếu người kia không có tánh đố kỵ, không thèm ham muốn lợi danh của người khác, biết tôn trọng người đáng kính, không chứa chấp lòng ganh tỵ. Do ảnh hưởng của tâm không ganh tỵ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người có thể lực, nói gì cũng có người nghe, làm gì cũng có người theo.

"Nếu người kia không bao giờ biết bỏ thí vật gì. Do tánh keo kiệt, bám níu vào tài sản sự nghiệp của mình, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người nghèo nàn thiếu thốn.

"Nếu người kia giàu lòng quảng đại, tánh ưa bố thí. Do lòng quảng đại rộng rãi ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người giàu có dư dã.

"Nếu người kia không biết phục thiện, tánh ưa kiêu hãnh, không tôn trọng người đáng kính. Do tánh ngạo mạn và vô lễ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người đê tiện thấp hèn.

"Nếu người kia biết phục thiện, tánh không kiêu hãnh, biết tôn trọng người đáng kính. Do đức tính biết phục thiện và có lễ độ ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người sang trọng quyền quý.

"Nếu người kia không chịu gần người có tài đức để học hỏi điều hay lẽ phải và phân biệt chánh tà. Do sự kém học ấy, nếu tái sinh trong cảnh người, sẽ là người dốt.

"Nếu người kia cố công tìm đến người có tài đức để học hỏi. Do sự học hỏi chánh đáng ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người thông minh trí tuệ." [4]

Trên đường tái sanh luân hồi, con người chịu ảnh hưởng của nghiệp quá khứ nhiều hơn truyền thống.

Như trường hợp của Đức Phật. Ngài đã thọ sanh nhờ tinh trùng, minh châu và bả thụ "gene" của cha mẹ cũng như mọi chúng sanh. Nhưng về mặt thể chất cũng như về phương diện tinh thần, trong quý tộc, từ tổ tiên mấy đời xuống đến Ngài, không ai có thể sánh với Ngài. Đức Phật đã có lần dạy rằng Ngài không thuộc dòng dõi vua chúa mà thuộc dòng của chư Phật, chắc chắn Đức Phật là bậc siêu nhiên. Ngài sanh ra với cái nghiệp phi thường mà chính Ngài đã tạo nên từ vô lượng kiếp.

Theo kinh Lakkhana Sutta [5], Đức Phật sanh ra với tướng mạo khác thường - 32 đặc điểm phi thường - là do bao nhiêu công đức cao dày mà ngài đã tạo ra trong vô lượng kiếp quá khứ. Kinh Lakkhana Sutta cũng giải thích rành mạch mỗi tướng tốt của Đức Phật, tướng nào phát sanh do nhân nào.

Trường hợp hy hữu của Đức Phật chứng tỏ rằng năng lực của Nghiệp chẳng những chi phối cơ thể mà còn vượt lên, làm mất phần hiệu năng của tinh trùng, minh châu và bả thụ "gene" của cha mẹ. Vì thế Ngài dạy rằng :

"Ta là kẻ thừa hưởng những hành vi tạo tác của ta như một di sản từ quá khứ truyền lại."

Đề cập đến sự khác biệt giữa chúng sanh, sách Atthasalini ghi rằng:

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có trạng thái chênh lệch trong sự tái sanh. Người sanh ra sang cả, kẻ thì đê hèn. Người sanh ra trong sự khinh khi nguyên rửa, kẻ thì được tôn trọng kính vì. Người được hạnh phúc an vui từ lúc lọt lòng mẹ, kẻ lại khổ sở khốn cùng.

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có sự khác nhau về hình dung, sắc diện: người thì đẹp đẽ, kẻ lại xấu xa, người cao, người thấp, kẻ thì tuấn tú phương phi, người thì kỳ hình dị tướng .

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có trạng thái chênh lệch trong xã hội như được, thua, danh thơm, tiếng xấu, được ca tụng hay bị khiển trách, hạnh phúc hay đau khổ."

"Do nghiệp, thế gian luân chuyển.  
Do nghiệp, chúng sanh tồn tại.  
Và cũng do nghiệp, mà chúng sanh vương váu.  
Liên kết với nhau như bánh xe,  
cấu hợp, dính liền và quay tròn quanh cái trục.

Do nghiệp, chúng sanh được vinh hạnh tôn sùng.  
Do nghiệp, chúng sanh chịu cảnh nô lệ tôi đòi,  
Bị nạn độc tài đàn áp và đi đến chỗ bại vong .  
Đã biết rằng nghiệp sanh quả  
Tại sao vẫn tin rằng:  
"Trong đời này không có nghiệp báo? [6]

Tóm tắt, theo Phật Giáo, những sự chênh lệch về tinh thần, đạo đức, trí tuệ và phẩm tánh, một phần lớn đều tùy thuộc hành động và khuynh hướng của chúng ta trong quá khứ và trong hiện tại, tức là nghiệp.

### **Không Phải Tất Cả Điều Do Nghiệp**

Mặc dầu chủ trương rằng nguyên nhân chánh tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong đời sống là sự khác biệt giữa cái Nghiệp mỗi chúng sanh, Phật Giáo không quả quyết rằng tất cả đều do nơi Nghiệp. Nói cách khác, Nghiệp không phải là nguyên nhân duy nhất tạo nên những khác biệt, những sự chênh lệch giữa chúng sanh. Định luật Nghiệp Báo tuy quan trọng, chỉ là một trong 24 nguyên nhân (Paccaya) [7] trong đời sống được mô tả trong triết học Phật Giáo. Để điều chỉnh quan niệm sai lầm cho rằng: "Những quả lành, dữ, hay không-lành, không-dữ, tất cả đều phát sanh do những hành động [8] (nghiệp đã tạo ra) trong quá khứ (Pubbekatehetu)", Đức Phật dạy:

"Nếu luận như vậy và quả quyết rằng do những hành động trong quá khứ mà con người trở thành sát nhân,

trộm cướp, dâm loạn, lão xược, thô lỗ, nhảm nhí, tham lam, xảo quyệt, hư hèn, thì ta có lý do để ý lại, dựa trên quá khứ mà không muốn thực hiện, không cố gắng thực hiện, và cũng không cần thiết phải thực hiện, hay không thực hiện, một hành động, dầu hành động ấy có đáng thực hiện hay không. [9]"

Đoạn kinh quan trọng trên đây đính chánh một quan điểm sai lầm chủ trương rằng tất cả những xảy ra trong lãnh vực tinh thần cũng như vật chất, đều do tiền nghiệp mà phát sanh.

Nếu kiếp sống hiện tại tuyệt đối do hành động quá khứ chi phối hay hoàn toàn do tiền nghiệp chủ động thì định luật Nghiệp Báo chẳng có gì khác hơn là Thuyết Định Mệnh hay Tiền Định. Không ai còn tự do để cải thiện đời sống mình, trong hiện tại hay trong tương lai, và tự do ý trí chỉ là một điều phi lý. Đời sống trở nên hoàn toàn tự động và con người không mấy khác biệt với một cái máy.

Tin rằng chúng ta được sanh ra do một đấng Tạo Hóa Toàn Năng, toàn quyền định đoạt số phận và sắp đặt trước định mạng mà, dầu muốn dầu không, ta không thể nào thay đổi được, hoặc tin rằng cái Nghiệp tạo ra số phận và định đoạt đời sống của chúng ta thì có gì khác nhau? Có khác chăng chỉ ở hai danh từ.

Thuyết định mạng như vậy không phải là định luật Nghiệp Báo trong Phật Giáo.

## Năm Niyama (Định Luật)

Theo Phật Giáo có năm định luật, hay tiến trình (Niyama) [10] tác động trong lĩnh vực vật chất và tinh thần. Đó là :

1. ***Utu Niyama***, là định luật vật lý có liên quan đến tiến trình của những sự vật vô cơ như hiện tượng thời tiết, mưa, gió, nhiệt, hàn v.v... bốn mùa tám tiết và đặc tánh của mỗi mùa như hạ thì nóng, đông thì lạnh cũng nằm trong định luật này.
2. ***Bija Niyama***, là định luật vật lý có liên quan đến tiến trình của những sự vật hữu cơ như cây cỏ. Do định luật này thì mầm nào sanh giống đó. Cây lúa thì do bột lúa, cây cam thì do hột cam, vị ngọt do đường, mía, mật ong mà ra v.v... Lý thuyết khoa học về tế bào và bẩm thụ gene trong việc thọ thai cũng do định luật này chi phối. Sự giống nhau về phương diện vật lý của hai trẻ sanh đôi cũng vậy.
3. ***Kamma Niyama***, là định luật nhân quả hay là sự tiến triển từ hành động, thiện hoặc ác, đến quả, lành hay dữ. Nhân gieo thì quả trở. Nhân lành đem lại quả tốt. Nhân ác đem lại quả xấu. Đó là định luật thiên nhiên, quả phải trở sanh do nhân như vậy, chứ không phải là hình thức thưởng hay phạt. Tiến trình từ nhân đến quả cũng tự nhiên và cần thiết như sự xoay chuyển của mặt trăng quanh mặt trời. Đó là nguyên tắc nhân quả tương xứng của định luật Nghiệp Báo.

Nguyên tắc của luật nhân quả là quả trở liên tục. Một nhà bác học tìm tòi, học hỏi, thu thập được nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong đời sống, đến lúc chết và tái sinh, tất cả những kinh nghiệm và kiến thức ấy cũng được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Đôi khi ta phảng phất nhớ lại một vài kinh nghiệm và kiến thức trong kiếp trước, nhưng lắm lúc ta quên hẳn, cũng như ta quên một vài kinh nghiệm và kiến thức đã thu thập lúc còn nhỏ, trong cùng một kiếp sống. Do nguyên tắc quả trở liên tục có những trường hợp thần đồng nhạc sĩ, họa sĩ, sử học gia, ngôn ngữ gia v.v..., những em bé chưa học mà nói được nhiều thứ tiếng.

4. ***Dhamma Niyama***, là định luật của vạn pháp, như những hiện tượng xảy ra khi một vị Bồ Tát đản sanh trong kiếp chót, luật hấp dẫn lực và những định luật khác trong vũ trụ v.v... đều có thể liệt vào lịch trình tiến triển này.

5. ***Citta Niyama***, là định luật tâm lý, như tiến trình tâm, sự cấu tạo phần tâm linh, những năng lực của tâm như thần giao cảm, hiểu biết quá khứ vị lai, huệ nhãn, huệ nhĩ, tha tâm thông, và những hiện tượng tương tự mà khoa học hiện đại chưa giải thích được.

Năm lịch trình tiến triển tự nó là những định luật dựa theo đó ta có thể giải thích tất cả những hiện tượng tâm lý cũng như vật lý.

Nghiệp Báo chỉ là một trong năm định luật ấy.

Cũng như tất cả định luật trong vũ trụ, năm lịch trình tiến triển kể trên không do một oai lực thiêng liêng huyền bí nào tạo nên.

Định luật liên quan đến sự tiến triển vật lý, loại vô cơ, loại hữu cơ, định luật của vạn pháp (Dhamma Niyama) là những lịch trình tiến triển ít nhiều tự động, mặc dầu trong một giới hạn nào, trí thông minh của con người cũng có thể kiểm soát được. Thí dụ như lửa nóng có đặc tánh làm phỏng da, tiết lạnh đến mức độ nào thì làm đông nước, nhưng cũng có người có thể đi trên lửa mà không bị phỏng mà cũng có người khóa thân ngồi trên tuyết lãnh sơn mà không sao. Những người trồng hoa chuyên nghiệp có thể tạo những cảnh vườn tuyệt đẹp với các loại hoa trái mùa, người luyện phép du dà (yoga) có thể dùng oai lực thần bí nâng cao một vật nặng.

Định luật thuộc về phần tâm linh cũng như máy móc như các định luật khác, nghĩa là cũng tác động một cách hồn nhiên, tự động, vô ý thức, không cần kích thích, không tùy thuộc nơi ý muốn nào bên ngoài. Khi nhân đã gieo thì, do Nghiệp Báo, quả phải trổ.

Công phu tu tập trong Phật Giáo nhằm mục đích kiểm soát tâm, và sự kiểm soát này có thể thực hiện được nhờ hiểu biết chân chánh và tư tưởng trong sạch. Luật nhân quả tác động một cách rất máy móc. Khi Nghiệp quá

nặng thì dầu con người có muốn cũng không thể sửa đổi hậu quả nghiêm khắc của nó. Nhưng trong những trường hợp ấy cũng vậy, Chánh Kiến là tác ý trong sạch có thể sửa chữa phần nào cái Nghiệp. Trong một giới hạn nào Nghiệp lành có thể làm dịu bớt quả dữ.

Định luật nhân quả thật phức tạp. Chỉ có Đức Phật mới thấu hiểu được cội nguồn của nó.

Mục tiêu tối hậu của người Phật tử là tận diệt Nghiệp.

### **Nghiệp là gì?**

*"Tác ý là Nghiệp" -- Tăng Nhứt A Hàm*

---

### **Nghiệp (Kamma)**

Kamma, Nghiệp, theo đúng nghĩa của danh từ, là hành động, hay việc làm. Định nghĩa cùng tốt của Nghiệp là **Tác ý** (cetana). Tư tưởng, lời nói, việc làm, thường khởi xuất do "ý muốn làm" tạo động cơ. Phật Giáo gọi ý muốn làm ấy là Tác ý (cetana). Tất cả những hành động có tác ý, dầu biểu hiện bằng thân, khẩu, hay ý, đều tạo Nghiệp. Tất cả những hành động có tác ý, thiện hay bất thiện, đều tạo Nghiệp. Những hành động không có chủ tâm, mặc dầu đã biểu hiện bằng lời nói hay việc làm, đều không tạo Nghiệp.

**Đức Phật dạy: "*Này hỡi các Tỳ Khưu, Như Lai xác nhận rằng chính Tác ý là Nghiệp. Do có ý muốn mới có hành động, bằng thân, khẩu hay ý [1]*".**

Ngoại trừ những hành động của chư Phật và chư vị A La Hán, mỗi hành động có tác ý đều gọi là Nghiệp. Mặc dầu chư Phật và chư vị A La Hán vẫn còn chịu ảnh hưởng của những nhân đã gieo trong quá khứ, các Ngài không còn tạo Nghiệp mới nữa vì các Ngài đã thoát ra ngoài cái lành và cái dữ, đã tận diệt vô minh và ái dục là hai nguồn gốc của Nghiệp. Ratana Sutta (Tam Bảo Kinh) ghi rằng: "Mầm giống (Khina-bija) đã bị tận diệt, những ham muốn vị kỷ không còn khởi sanh."

Như vậy không có nghĩa là chư Phật và chư vị A La Hán sống một cách thụ động. Các Ngài luôn luôn tích cực hoạt động để tạo an lành hạnh phúc cho chúng sanh. Hành động của các ngài, thường được coi là thiện, không có năng lực tạo Nghiệp. Am hiểu tận tường thực tướng của vạn pháp, các Ngài phá tan mọi thăng thục (kiết sử) trói buộc chúng sanh trong vòng luân hồi, những chuỗi dài nhân và quả.

Một vài hệ thống tín ngưỡng cũng nhìn nhận rằng mọi chênh lệch trong xã hội đều do Nghiệp, nhưng khi đề cập đến Nghiệp, lại chủ trương rằng mọi hành động, có tác ý hay không, đều tạo Nghiệp.

Theo chủ trương ấy, một người giết cha, giết mẹ dầu cố tâm hay vô ý, đều phạm trọng tội như nhau. Cũng như đối với lửa, dầu vô tình hay cố ý thọc tay vào lửa thì phải bị phỏng như nhau, không hơn không kém.

Lập luận như vậy dĩ nhiên sẽ đưa đến một định thức phi lý. Đứa bé trong bào thai, vô tình làm cho mẹ đau đớn, hay bà mẹ vô ý làm đau đứa con trong lòng mình, hẳn cũng tạo Nghiệp bất thiện? Vả lại, nêu ra một sự kiện để giải thích một sự kiện tương tự, như trường hợp của người thọc tay vào lửa và một người hành động ác là một luận cứ không thể đứng vững. Thí dụ, theo luận điệu trên, nếu ông A sai ông B đi giết người, thì chính ông B phạm tội sát nhân mà ông A thì không sao cả, vì chỉ có ông B là người "thọc tay vào lửa". Hơn nữa, cũng theo luận điệu trên, một hành động ác không có tác ý có thể còn tai hại hơn một hành động ác có tác ý. Nói cách khác, cố ý làm ác bị hại ít hơn là vô tình, vì theo ví dụ người thọc tay vào lửa, biết rằng lửa nóng người cố tâm tất phải dè dặt hơn nên ít bị nóng. Người vô tình, vì không định ý trước, không kịp ngăn ngừa, ắt bị phỏng nhiều hơn. [2]

Trong sự báo ứng của Nghiệp, **Tâm là yếu tố tối quan trọng**. Tất cả những việc làm, lời nói và tư tưởng đều do tâm ảnh hưởng. "Khi không điều phục được tâm tức nhiên không thể kiềm chế được việc làm, lời nói, và tư tưởng. Điều phục tâm tức kiềm chế thân, khẩu, ý." [3]

"Chính tâm dẫn dắt thế gian, chính tâm lôi kéo thế gian; và tất cả mọi người đều làm chủ cái tâm."

Kinh Pháp cú có câu:

"Tâm dẫn đầu mọi hành động. Tâm là chủ. Tâm tạo tác tất cả. Nếu nói hay làm với tâm ác thì do đó, đau khổ sẽ theo liền với ta như bánh xe lăn theo dấu chân con bò kéo xe." (câu 2)

Ta có thể thắc mắc vì sao một vật vô hình như tâm lại có thể gây ra những xáo trộn cho thế gian vật chất. Thật ra không có gì khó hiểu. Chính các bộ máy cực kỳ hùng mạnh và có khả năng làm đảo lộn thế gian hiện đại chỉ là sản phẩm của những bộ óc phong phú.

Cái tâm vô hình tạo nên tất cả những tác động báo ứng của Nghiệp.

Nghiệp không nhất thiết chỉ là những hành động trong quá khứ, mà bao trùm quá khứ và hiện tại. Như vậy, nói một cách, chúng ta như thế nào trong hiện tại là tùy thuộc trong quá khứ chúng ta đã hành động như thế nào, và trong tương lai chúng ta sẽ hành động như thế nào tùy thuộc nơi hành động của chúng ta như thế nào trong hiện tại. Hiểu một cách khác nữa, ta phải thêm rằng trong hiện tại chúng ta như thế nào không hoàn toàn bởi vì trong quá khứ ta đã như thế và trong tương lai chúng ta sẽ như

thể nào cũng không hoàn toàn tùy thuộc nơi chúng ta như thể nào trong hiện tại.

Hiện tại chắc chắn là con đẻ của quá khứ, đồng thời cũng là mẹ sanh của tương lai.

Nhưng trong sự báo ứng vô cùng phức tạp của Nghiệp, ta không thể nhìn vào hiện tại mà quả quyết quá khứ và tương lai. Thí dụ như tên cướp sát nhân ngày hôm nay có thể là một người hiền như bậc thánh nhân ngày mai. Một người hiền lương đạo đức ngày hôm qua có thể hôm nay trở nên hư hèn hung dữ.

Lời mẹ dạy con: "Nếu con ngoan sẽ được mẹ cưng và con sẽ vui vẻ. Nếu con không ngoan mẹ sẽ không cưng và con sẽ buồn" là giáo lý Nghiệp Báo.

Cái gì giống nhau thu hút lẫn nhau. Tốt đem lại tốt, xấu đem lại xấu. Đó là định luật Nhân Quả.

Tốt tất, Nghiệp Báo là định luật Nhân Quả trong lĩnh vực luân lý hay như người phương Tây thường nói, là "ảnh hưởng của hành động".

### **Nghiệp và Quả (Kamma và Vipaka)**

Nghiệp là hành động. Quả là phản ứng của hành động ấy. Nói cách khác, Quả (Vipaka) là hậu quả của hành động. Cũng như mỗi vật đều dính liền với cái bóng của nó, mỗi hành động có tác ý (cetana) đều dính liền với quả.

Nghiệp có thể ví như một cái hột có khả năng trở thành cây. Quả như trái cây. Lá, hoa các thứ là những sự khác biệt bên ngoài như sức khỏe, sự thịnh vượng, sự giàu sang, sự bệnh hoạn và những điều bất hạnh trong đời sống vật chất mà không ai tránh khỏi.

Nói một cách chính xác, Nghiệp và Quả đều tùy thuộc nơi Tâm. Hành động (Nghiệp) và hậu quả của hành động ấy (Quả) đều do Tâm tạo nên. Vì Nghiệp có thể tốt hay xấu, Quả có thể lành hay dữ.

Nếu hành động thuộc về tâm thì quả cũng thuộc về tâm. Lắm khi ta nghe an vui hạnh phúc, khoan khoái trong lòng, hay buồn bực đau khổ v.v... đó là đang thọ Quả thuộc về tâm. Quả trở sanh tốt hay xấu tùy theo Nhân gieo tốt hay xấu.

Trong phạm vi vật chất, Anisamsa là những phước lành như giàu sang, khỏe mạnh, tuổi thọ v.v..., Adinava là những tội khổ như bần cùng, xấu xí, bệnh tật, yếu tử v.v... Nghiệp là những tâm thiện và bất thiện tại thế (Kusala akusala lokiya citta) và Quả (Vipaka) là những loại tâm Quả tại thế (lokiya vipaka citta).

Theo Vi Diệu Pháp [4], Nghiệp gồm 12 loại tâm bất thiện và 8 loại tâm thiện thuộc Dục Giới (kamavacara), 5 loại tâm thiện thuộc Sắc Giới (rupavacara) và 4 loại tâm thiện thuộc Vô Sắc Giới (arupavacara). Tổng cộng là 29 tâm tại thế (lokiya citta).

Ngoài ra, 8 loại tâm siêu thế (lokuttara citta) không thể coi là Nghiệp vì các loại tâm ấy có khuynh hướng diệt Nghiệp.

Động cơ của tất cả các loại tâm tại thế là Tác ý (cetana), trái lại, yếu tố chánh yếu trong các loại tâm siêu thế là Trí tuệ (panna).

9 loại tâm thiện thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới (5 thiện Sắc Giới và 4 thiện Vô Sắc Giới ) hoàn toàn thuộc về tâm, không biểu hiện dưới hình thức việc làm và lời nói như 20 loại tâm thuộc Dục Giới.

Mọi hành động đều do tâm. Chính tâm biểu hiện bằng thân, khẩu hay ý.

Tất cả 29 loại tâm kể trên (12+8+5+4) đều được gọi là Nghiệp vì các loại tâm ấy có khả năng tạo Quả một cách tự động, không cần trợ lực của yếu tố nào từ bên ngoài.

Vui, buồn, hạnh phúc hay đau khổ, hậu quả dĩ nhiên phải có của các loại tâm thiện hay bất thiện, gọi là tâm Quả thuộc Dục Giới. Năm loại tâm Quả thuộc Sắc Giới và 4 loại tâm Quả thuộc Vô Sắc Giới đều là hậu quả đương nhiên của Nghiệp.

Đã gieo nhân tức phải gặt Quả, lúc này, nơi này, hay lúc khác, nơi khác, ở kiếp hiện tại hay trong kiếp vị lai. Ngày

hôm nay ta gặt hái những gì chính ta đã gieo trong hiện tại hay trong quá khứ.

Trong bộ Samyutta Nikaya, Tập A Hàm, có những lời dạy như sau:

"Đã gieo giống nào,  
Sẽ gặt quả nấy.  
Hành thiện sẽ thu gặt quả lành.  
Hành ác sẽ thu gặt quả dữ.  
Hãy gieo giống tốt,  
Ta sẽ hưởng quả lành. [5]"

Nghiệp Báo tự nó là một định luật có hiệu lực trong một phạm vi riêng biệt, không chịu ảnh hưởng của tha lực nào từ bên ngoài đưa vào.

Khả năng trở Quả đã dính liền với Nghiệp. Trong hành động (bằng thân, khẩu, ý) đã có tiềm tàng năng lực tạo Quả, cũng như trong hạt đã có tiềm tàng tạo nên cây và sanh ra trái. Nhân sanh Quả, Quả giải thích Nhân. Hạt sanh trái, thấy trái ta biết hạt như thế nào. Sự liên quan giữa hạt và trái cũng như giữa Nghiệp và Quả. "Trong Nhân đã có sẵn mầm giống của Quả."

Hạnh phúc và đau khổ, thường xảy đến cho nhân loại, là Quả phải có, trở sanh do những nhân nào. Phật Giáo không chủ trương có sự thưởng phạt do một oai lực siêu phàm toàn tri, toàn năng, tối thượng ban bố cho những

linh hồn đã làm lành hay gây dữ. Thuyết Duy Thần cố giải thích mọi việc bằng kiếp sống trường cửu trong tương lai mà không biết đến quá khứ. Thuyết Duy Thần tin rằng linh hồn của người chết sẽ trải qua một cuộc phán xét và xem những phước báu và tội khổ trong đời hoàn toàn do ý muốn của một Tạo Hóa Tối Thượng, ngự trên một cảnh trời nào đó, tạo ra càn khôn vạn vật và trọn quyền định đoạt số phận của nhân loại, vật do mình tạo ra.

Phật Giáo không nhìn nhận có một linh hồn trường cửu, được tạo nên một cách ngẫu nhiên và độc đoán. Phật Giáo tin có định luật và công lý thiên nhiên, không phải một đấng Thượng đế toàn năng hay một Đức Phật đại từ đại bi tạo nên. Theo định luật và công lý thiên nhiên ấy thì mỗi hành động đều gây nên một phản ứng tương xứng mà người đời thường lầm tưởng là sự ban thưởng hay hình phạt.

Một vài người dựa theo nhận thức riêng của mình cho rằng thuyết Nghiệp Báo trong Phật Giáo là một loại nha phiến để xoa dịu và ru ngủ người xấu số bằng luận điệu như sau:

"Bây giờ anh phải chịu khó nghèo khổ vì đã tạo Nghiệp xấu trong quá khứ. Anh kia được giàu sang vì anh ấy tạo Nghiệp tốt. Như vậy, hãy cam tâm chịu lấy số phận nghèo đói của anh và cố gắng tạo Nghiệp tốt trong hiện tại để được giàu sang trong kiếp tới.

"Trong kiếp này anh bị hà hiếp bóc lột vì đã tạo Nghiệp xấu trong quá khứ. Hãy nhận lãnh số phận hẩm hiu ấy và nhẫn nại cam tâm chịu khổ. Từ nay hãy ăn hiền ở lành, chắc rằng kiếp sau anh sẽ được giàu sang hạnh phúc."

Đức Phật không hề dạy như vậy. Thuyết Nghiệp Báo trong Phật Giáo cũng không bao giờ chấp nhận một cuộc phán xử sau kiếp sống. Đức Phật vị tha, từ bi vô lượng vô biên, truyền dạy Nghiệp Báo không phải để bảo vệ người giàu sang và an ủi người nghèo khổ bằng cánh hứa hẹn hạnh phúc huyền ảo trong tương lai.

Theo lý Nghiệp Báo, chúng ta không nhất định phải bị trói buộc trong hoàn cảnh nào, vì Nghiệp Báo không phải là số mạng, cũng không phải Tiền Định do một oai lực huyền bí nào đã định đoạt cho ta một cách bất khả kháng. Chính hành động thiện hay ác của ta gây phản ứng lành hay dữ. Do đó chúng ta hoàn toàn tự do tạo ra những phản ứng mới để hòa dịu Nghiệp lực. Chúng ta có đủ năng lực để chuyển phần nào cái Nghiệp của chúng ta theo ý muốn. Chuyển đến mức độ nào chỉ tùy nơi ta.

Như vậy chúng sanh không bị bắt buộc phải gặt hái trọn vẹn những gì đã gieo. Trong một tình trạng nào đó và trong một giới hạn nào đó, với sự cố gắng chánh đáng, ta có thể sửa đổi cái Nghiệp của ta.

### **Nguồn Gốc của Nghiệp**

Vô minh (avijja) hay không hiểu biết thấu đáo thực tướng của sự vật là nguyên nhân chính tạo ra Nghiệp. Trong Thập Nhị Nhân Duyên (Paticca Samuppada) có câu:

"Tùy thuộc nơi Vô Minh, Hành phát sanh" (avijja paccaya samkhara)."

Vì không am hiểu chân tướng của vạn pháp nên mới có những hành động tạo Nghiệp.

Ái dục (Tanha) - đi liền với Vô Minh - là một nguyên nhân khác tạo duyên sanh ra Nghiệp. Chính Vô Minh và Ái Dục là cội rễ của mọi tội ác. Tất cả những hành động của hạng phàm nhân (puthujjana, là những chúng sanh còn trong tam giới) mặc dầu bắt nguồn từ ba căn trong sạch là bố thí (alobha, không tham), từ bi (adosa, không sân) và trí tuệ (amoha, không si) vẫn còn tạo Nghiệp, vì chưa tận diệt Vô Minh và Ái Dục. Trái lại, những loại tâm siêu thế (maggacitta, đạo tâm) không tạo Nghiệp vì bản chất của các loại tâm ấy có khuynh hướng tận diệt Vô Minh và Ái Dục.

### **Người Tạo Nghiệp**

Ai tạo Nghiệp? Ai gặt quả? "Nghiệp có phải là một sự tích trữ trong linh hồn không?"

Để trả lời câu hỏi tế nhị ấy, Đại Đức Buddhaghosa viết như sau trong sách Visuddhi Magga (Thanh Tịnh Đạo):

"Không có người tạo Nghiệp.

"Không có người gặt quả,

"Chỉ có những thành phần cầu tiến mãi mãi (chỉ có sự vận chuyển của pháp hành).

"Đó là nhận thức chân chánh. [6]"

Theo Phật Giáo, có hai thực tế. Thực tế biểu hiện ra bề ngoài và thực tế cùng tột. Thực tế bề ngoài là những chân lý mặc ước, hay **Tục đế** (sammuti sacca). Thực tế cùng tột là chân lý trừu tượng, tuyệt đối, cùng tột, hay **Chân đế** (paramattha sacca). Thí dụ như cái bàn, cái quạt, con người, con vật v.v... là những thực tế biểu hiện ra ngoài mà ngũ quan ta có thể cảm nhận. Bằng một cách mặc ước, chúng ta đồng ý chấp nhận danh từ bàn, quạt, người, vật v.v... để chỉ những vật ấy. Vậy bàn là thực tế bề ngoài, chân lý mặc ước, tục đế.

Nhưng nếu phân tách cái bàn, ta thấy rằng cái mà ta gọi là bàn chỉ là sự kết hợp của những tế bào, và tế bào chỉ là sự kết hợp của những năng lực và tánh chất. Vậy, phân tách đến mức cùng tột, vật chất chỉ là sự cấu thành của những năng lực và tánh chất. Năng lực và tánh chất ấy là thực tế cùng tột, chân lý tuyệt đối, chân đế.

Khi nói chuyện với mọi người, nhà bác học gọi nước là nước. Nhưng trong phòng thí nghiệm, nhà bác học gọi nước là H<sub>2</sub>O. Nước là danh từ mặc ước, chế định, phổ thông. H<sub>2</sub>O là danh từ chuyên môn, là thực tế tuyệt đối.

Cùng một thể ấy, trong những câu chuyện thông thường, ta dùng danh từ mặc ước như đàn ông, đàn bà, chúng sanh v.v... Những cái được gọi là hình sắc ấy, khi được phân tách tỉ mỉ cho thấy rằng chỉ là những thành phần tâm-vật-lý luôn luôn biến đổi, không thể tồn tại y hệt trong hai khoảnh khắc kế tiếp.

Như vậy, Phật Giáo không tin rằng có một thực thể đơn thuần như một người hay một linh hồn vĩnh cửu, hành động ngoài sự hành động, tri giác ngoài sự tri giác, hay ý thức một việc ngoài ý thức. Nói cách khác, Phật Giáo chủ trương có sự hành động mà không có người hành động, có sự tri giác mà không có người tri giác, có thức mà không có người ý thức.

Vậy thì ai tạo Nghiệp và ai gặt Quả?

Tác ý (cetana) hay ý muốn, làm động cơ phát xuất hành động (bằng thân, khẩu, ý), là người tạo người Nghiệp. Thọ (vedana), cảm giác, là người gặt Quả. Ngoài hai tâm sở "tác ý" và "thọ", không có người tạo Nghiệp cũng không có người gặt Quả.

Đại Đức Buddhaghosa dạy rằng khi những thành phần vật chất phối hợp lại, cấu thành cái gọi là cây, một ngày nào và ở một điểm nào, và trở ra trái, thì ta nói "cây sanh trái" hay "cây trở trái". Cùng đường thể ấy, năm uẩn(sắc, thọ, tưởng, hành, thức) phối hợp lại, cấu thành cái gọi là trời hay người và, một ngày nào, quả lành hay quả dữ thọ

sanh thì ta nói rằng vị trời hay người ấy có phước hay vô phước.

Về điểm này Phật Giáo cũng đồng quan điểm với giáo sư William James khi giáo sư bác bỏ luận cứ của Descartes và chủ trương rằng:

"Chính tư tưởng là người tư tưởng. [7]"

### **Nghiệp ở đâu?**

Một nhà phân tích tâm linh như sau viết như sau:

"Nghiệp được tích trữ bên trong phần tâm linh, nhưng thông thường chỉ có một số ít người tìm ra và xâm nhập được vào thâm cung bí hiểm của tâm linh ấy. Nghiệp là sự thâm nhận trọn vẹn tất cả những kinh nghiệm đã trải qua, những cảm giác đã thọ, những ảnh hưởng đã thâm nhiễm của một cá nhân. Tiềm thức không phải chỉ trung thực ghi nhận những kinh nghiệm cá nhân mà còn giữ lại những cảm xúc và những khuynh hướng sơ khởi và - mặc dầu hình như suy giảm dần trong con người văn minh dưới lớp lễ nghi hình thức của xã hội - vẫn còn tiềm lực mạnh mẽ có thể bộc phát một cách bất ngờ với một năng lực hùng hậu không thể đoán trước được."

Người Phật tử cũng nhận định như vậy, nhưng với một ý niệm sửa đổi căn bản khác biệt.

Phật Giáo chủ trương rằng cái Nghiệp không được tàng trữ trong một nơi nào gọi là tâm linh, bởi vì không có chi chứng minh rằng có một nơi nào trong guồng máy phức tạp và luôn luôn biến đổi con người có thể làm nơi chứa đựng như một kho tàng.

Tuy nhiên, mỗi kinh nghiệm, mỗi cảm giác, mỗi ảnh hưởng đã ghi nhận, mỗi đặc tính, phàm hay thánh, của một số cá nhân đều được phát triển tùy sự biến đổi liên tục của những hiện tượng tâm-vật-lý của cá nhân ấy như một dòng suối luân lưu bất tận.

Tóm tắt, tất cả nghiệp lực đều tùy thuộc nơi sự biến đổi của luồng tâm lực (citta santati) và luôn luôn sẵn sàng phát hiện trong muôn ngàn hiện tượng, mỗi khi có cơ hội.

Một hôm Vua Milinda hỏi Đại Đức Nagasena:

- "Kính bạch Đại Đức, Nghiệp được tích trữ ở đâu?"

- Tâu Đại vương, ta không thể nói Nghiệp được tích trữ ở một nơi nào trong cái tâm luôn luôn biến đổi, hay ở một nơi nào khác trong thân thể con người. Nhưng tùy thuộc nơi danh và sắc, Nghiệp khởi hiện trong một lúc thích ứng. Cũng như ta không thể nói trái xoài được tích trữ ở nơi nào trong cây xoài nhưng, tùy thuộc nơi cây xoài và khi đầy đủ cơ duyên, nó sẽ trở ra đúng lúc, đúng mùa.  
[8]"

Cũng như ta không thể nói gió hay lửa nằm ở nơi nào nhất định, ta không thể quả quyết Nghiệp được chứa đựng trong hay ngoài thân.

Nghiệp là một năng lực cá biệt được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Nghiệp thủ một vai trò quan trọng trong việc cấu tạo tâm tánh con người. Nghiệp giải thích những hiện tượng kỳ diệu mà ta gọi là vĩ nhân, thiên tài, thần đồng v.v... Một sự hiểu biết rành mạch về định luật Nghiệp Báo là điều kiện chánh yếu khả dĩ tạo tình trạng an lành hạnh phúc cho thế gian.

### **Trách nhiệm tinh thần**

*"Chính ta làm cho ta ô nhiễm,  
Chính ta làm cho ta trong sạch." -- Kinh Pháp Cú*

---

Có phải chính người hành động (tạo nghiệp) gặt quả trong kiếp tương lai? [1]

Nói một cách tuyệt đối rằng chính người gieo nhân sẽ gặt quả là một cực đoan, mà nói rằng người gieo nhân và người gặt quả là hai người hoàn toàn khác biệt là rơi vào một cực đoan khác. Tránh hai cực đoan trên, Đức Phật truyền dạy một Giáo Pháp "Trung Đạo" căn cứ trên lý Nhân Quả:

"Không tuyệt đối là một người, cũng không phải là hai người hoàn toàn khác biệt" (Naca so, naca anno), Đại đức Buddhaghosa viết như vậy trong sách Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga). Sự biến thể của loài tằm có thể là một thí dụ. Khởi đầu là một cái trứng. Trứng nở ra tằm. Tằm thành nhộng, nhộng thành bướm và bướm đẻ trứng.

Trong trường hợp này, sự biến thể diễn tiến trong một kiếp sống. Và trong một kiếp sống, bướm không tuyệt đối giống tằm, mà cũng không hoàn toàn khác. Chỉ có một luồng sống, một diễn tiến của đời sống, hay một sự liên tục.

Để giải thích điểm này, Đại đức Nagasena dùng thí dụ ngọn đèn dầu thắp trong đêm tối. Ánh sáng của ngọn đèn lúc đầu không tuyệt đối giống hết ánh sáng của nó lúc về khuya. Tuy nhiên, ánh sáng lúc đầu hôm và lúc khuya vẫn tùy thuộc nơi cây đèn. Trường hợp này cũng vậy, trong ánh sáng có một sự liên tục. Mỗi giai đoạn trong sự liên tục ấy tùy thuộc nơi giai đoạn trước kế đó.

***-- Nếu không có một linh hồn trường cửu, có thể có trách nhiệm tinh thần không?***

Có thể có, bởi vì có sự liên tục, hay nói cách khác, có sự giống nhau trong tiến trình biến đổi.

Một em bé trở nên một người trưởng thành. Người kia không hoàn toàn là em bé, bởi vì các tế bào trong thân

thể người ấy đã hoàn toàn đổi mới, tuy nhiên người kia và em bé cũng không phải tuyệt đối là hai người, bởi vì cả hai chỉ là hai giai đoạn khác nhau trong tiến trình của một đời sống. Mặc dầu vậy, cá nhân người kia phải chịu trách nhiệm về tất cả những hành động của em bé. Dầu tiến trình của đời sống chấm dứt ở một nơi và biểu hiện lại ở một nơi khác, hay tiến trình ấy diễn tiếp trong một kiếp sống, yếu tố chánh vẫn là sự liên tục. Thí dụ như người kia là ông A trong kiếp sống trước và ông B trong kiếp này. Với cái chết của ông A, hiện tượng vật chất và tinh thần do đó nghiệp lực biểu hiện đã tiêu tan. Với cái sanh của ông B một môi vật mới xuất khởi. Hình thể bề ngoài tuy có biến đổi, nhưng luồng tâm trôi chảy liên tục (citta santati), không bị cái chết làm gián đoạn, vẫn tiếp tục diễn tiến, và mang theo tất cả cảm giác do ngũ quan đã thấu nhận.

Một cách mặc ước, ta tự hỏi phải chăng ông B bị bắt buộc phải chịu trách nhiệm về hành vi của ông A ở kiếp trước?

Vài người cũng có thể phản đối, cho rằng ông B không nhớ gì về hành động của ông A hết, sao lại phải chịu trách nhiệm của ông A?

Tuy nhiên, trạng thái giống hệt nhau cũng như trí nhớ có phải là yếu tố chánh yếu trong vấn đề trách nhiệm tinh thần không? Thí dụ như người kia cố ý giết chết một người và sau đó mất trí, không còn nhớ gì đến chuyện ấy

hết. Người ấy có chịu trách nhiệm về hành động sát nhân hay không? Sự mất trí nhớ không giúp cho người kia tránh khỏi trách nhiệm của hành động cố ý sát nhân. Ta lại hỏi: "Hình phạt một người đã mất trí nhớ thì có ích gì? Người ấy không còn nhớ rằng mình chịu hình phạt này vì đã phạm tội kia. Vậy đâu là công lý?"

Người Phật tử tin tưởng nơi lý nhân quả, công bình và hợp lý, báo ứng một cách tự nhiên, khách quan, tự động. Lý nhân quả căn cứ trên Nhân và Quả. Ta không thể coi đó là một hình thức thưởng hay phạt. Nếu người kia làm một chuyện gì trong lúc ngủ, chẳng hạn như trong lúc đang ngủ mà đứng dậy đi ra ngoài hành lang, rồi đi trên lan can. Tức nhiên là ông ta sẽ té xuống đường và trong những trường hợp tương tự, có thể gãy tay hay gãy chân. Khi nằm trên giường bệnh, ông không còn nhớ gì đến sự đi trên lan can, vừa đi vừa ngủ, nhưng dĩ nhiên, ông phải biết hậu quả của việc làm ấy.

Sự kiện ông không còn nhớ gì đến hành động trước không thay đổi một tí nào hậu quả của hành động ấy. Cánh tay gãy, hay một cái chân què, làm cho ông đau đớn vô cùng. Vì lẽ ấy người Phật tử cố gắng không đi trên lan can hay một nơi nguy hiểm nào khác, trong lúc ngủ hay lúc thức, để tránh việc làm tổn thương cho chính mình hay gây thương tích cho người khác ở dưới đất nếu ta té vào người.

Sự quên mất dĩ vãng của mình không gây trở ngại nào cho sự nhận định khôn ngoan về lỗi báo ứng của định luật Nghiệp Báo. Chính nhờ sự hiểu biết lý nhân quả, đã gieo nhân thì phải gặt quả, lúc nào cũng trong vòng luân hồi, mà người Phật tử cố gắng tu dưỡng tâm tánh mình.

### **Nghiệp chuyển lên và Nghiệp chuyển xuống**

*"Chúng sanh lên cao hay xuống thấp là do nơi Nghiệp." -  
- Trung A Hàm*

---

Nghiệp lực có thể đưa xuống được không? Nói cách khác, người ta có thể tái sanh vào cảnh thú không?

Câu trả lời của người Phật tử có thể không được tất cả mọi người chấp nhận, vì Phật Giáo xác nhận rằng sự kiện ấy có thể xảy ra.

Hình thể vật chất mà xuyên qua đó sự liên tục của đời sống được cụ thể hóa chỉ là những biểu hiện hữu hình và nhất thời của nghiệp lực. Thân hiện tại không phải là cái biến thể của xác quá khứ mà là kế nghiệp, là cái hình thể khác biệt, tiếp nối hình thể quá khứ. Cả hai nối liền nhau trong một dòng nghiệp lực.

Một luồng điện có thể biến hiện kế tiếp dưới hình thức ánh sáng, rồi hơi nóng, hay sự di động. Không phải ánh sáng trở thành hơi nóng, hay hơi nóng trở thành sự di

động. Cùng một lối ấy, nghiệp lực có thể biểu hiện dưới hình thức một vị Trời, một người, một con thú, hay một hạng chúng sanh khác. Các hình thể vật chất ấy không liên hệ với nhau. Chính cái nghiệp tạo nên bản chất hình thể ấy. Bản chất của hình thể vật lý như thế nào tùy hành động của ta trong quá khứ, và hành động này tùy thuộc nơi trình độ tiến hay thoái hóa của ta.

Thay vì nói rằng người trở thành thú hay thú thành người, đúng hơn ta phải nói rằng cái nghiệp lực đã biểu hiện trong hình thể người có thể biểu hiện trong hình thể thú.

Trên bước phiêu lưu trong vòng luân hồi - để dùng những ngôn từ quy ước - chúng ta thấu thập nhiều kinh nghiệm, đã thọ nhiều cảm giác và thu hoạch một số đặc tính, tư tưởng, lời nói, việc làm của chúng ta chắc chắn đã được ghi nhận trong tâm, như mực đen đã ghi trên giấy trắng, không gì làm phai lợt. Bầm tánh riêng mà chúng ta đã cấu tạo trong những kiếp sống liên tục - dầu trong cảnh người, Trời, thú hay ngạ quỷ - vẫn luôn luôn ngủ ngầm bên trong ta, và ngày nào mà chúng ta chưa thành tựu thánh Đạo và thánh Quả, ngày nào mà chúng ta còn là phạm nhân, thì những bầm tánh ấy, trong một lúc bất ngờ, có thể phát lộ với một sức mạnh phi thường và tiết lộ cho ta biết khuynh hướng của dòng nghiệp còn tiềm tàng bên trong ta.

Một người hiền lương học rộng, tánh tình cao thượng, mực thước, bỗng nhiên chìm đắm say mê trong vòng trụy

lạc. Tại sao người như thế lại có thể làm chuyện tồi tệ như vậy? Ai có thể ngờ người cao thượng như thế mà hành động xấu xa hèn hạ như vậy!

Trong sự đổi tánh bất ngờ, hành động lỗi lầm của người kia không có chi là lạ. Đó chính là sự nổi lên trên bề mặt cái bản tánh thâm kín phức tạp ngủ ngầm. Vì lẽ ấy, những người rất cao thượng lắm khi cũng bị quyến rũ làm những chuyện mà không ai có thể ngờ.

Thí dụ như trường hợp của Devadatta (Đề Bà Đạt Đa). Sinh ra là một hoàng tử cao quý, trưởng thành trong giới luật của hàng xuất gia cao thượng, đã đạt được phép thần thông, mà còn bị lòng ganh tỵ chi phối. Vì ganh tỵ là bản tánh tiềm tàng trong dòng nghiệp của ông, nhiều lần mưu toan ám hại vị tôn sư của mình là Đức Phật.

Đó là bản chất phức tạp của con người. Cái quá khứ vừa qua chưa hẳn là đủ để cho ta biết hoàn cảnh vị lai sắp đến. Chúng ta tạo nghiệp mới trong từng khoảnh khắc, từng chấp tư tưởng. Theo một lối hiểu, cái Ta trong hiện tại quả thật là kết quả của cái Ta trong quá khứ; và cái Ta trong tương lai sẽ là kết quả của cái Ta trong hiện tại. Nhưng hiểu một lối khác, chúng ta không hoàn toàn là kết quả của cái Ta trong quá khứ và trong tương lai cũng sẽ không tuyệt đối là hậu quả của cái Ta trong hiện tại. Người kia hôm qua là kẻ sát nhân, hôm nay có thể có một đời sống thanh cao trong sạch, ngày mai có thể phạm những tội lỗi tày trời.

Ta có thể tự xét đoán ta một cách chắc chắn và không sợ lầm lạc trong cái hiện tại vĩnh cửu này. Hiện giờ ta đang gieo giống cho tương lai. Trong giờ phút hiện tại này ta có thể đóng vai trò của người thô lỗ, tàn bạo và tạo địa ngục cho chính ta, hay trái lại vai trò của một đấng siêu nhân và tạo thiên đàng cho ta. Mỗi chấp tư tưởng trong hiện tại tạo điều kiện cho chấp tư tưởng kế đó phát sanh. Theo triết học Phật Giáo, hiện tượng tái sanh sắp đến do tiến trình tư tưởng cuối cùng của kiếp sống vừa qua tạo nên. Trong một kiếp, mỗi chấp tư tưởng vừa qua để lại tất cả tiềm năng cho chấp tư tưởng sắp đến thì trong hiện tượng sanh tử, chết và tái sanh, cũng vậy. Chấp tư tưởng cuối cùng của kiếp sống vừa qua, khi chấm dứt, chuyển lại tất cả bản chất và đặc tính đã thâm nhập cho chấp tư tưởng nối tiếp, tức chấp tư tưởng đầu tiên của kiếp tái sanh kế đó gọi là "patisandhi vinnana", Thức-tái-sanh.

Bây giờ, nếu lúc lâm chung người kia đang ôm ấp một ước vọng thấp hèn hay có một tư tưởng hoặc một hành động tương xứng với loài thú, thì nghiệp xấu sẽ tạo điều kiện đưa người ấy tái sanh vào cảnh giới thú. Cái nghiệp lực đã biểu hiện dưới hình thức người sẽ biểu hiện dưới hình thức một con thú. Như vậy không có nghĩa là tất cả những nghiệp tốt đã tạo trong quá khứ đều mất. Nghiệp tốt ấy vẫn còn tiềm tàng và chờ cơ hội thuận tiện để lộ xuất. Trong trường hợp kể trên, sau khi chết, thú có thể nhờ nghiệp tốt quá khứ, tái sanh trở lại cảnh người.

Tiến trình tư tưởng cuối cùng không hẳn phải tùy thuộc nơi hợp thành lực của các hành động trong đời sống. Theo thông thường, một người tốt thì tái sinh trong cảnh tốt, người xấu trong cảnh xấu. Tuy nhiên, trong vài trường hợp đặc biệt, chuyện bất ngờ có thể xảy ra.

Thí dụ như hoàng hậu Mallika [1], đã sống đời hiền lương đạo đức, nhưng vì lúc lâm chung đã nảy ra một tư tưởng không lành nên phải tái sinh vào cảnh khổ. Tuy nhiên, nhờ nghiệp tốt mạnh, bà chỉ sống trong cảnh khổ vài ngày thôi.

Ta tự hỏi: "Có thể biện giải điều này không?"

Nếu vì một sự khiêu khích nào, chàng kia vốn hiền lương đạo đức lại lỡ tay giết người, tức nhiên chàng ấy phải mang tội sát nhân. Những hành động tốt của người ấy trong quá khứ chắc chắn sẽ trở sanh quả lành, nhưng nghiệp ác gây ra không vì đó mà mất hậu quả. Nếu năng lực của nghiệp thiện mạnh hơn năng lực của nghiệp bất thiện, thì quả ác bị quả lành lấn át không phát hiện được đầu đủ. Dù sao đương sự cũng phải gặt hái phần quả bất thiện, do nghiệp lực hướng chuyển đến cảnh giới của các nhóm người ác, một nơi không thích hợp với bản tánh hiền lành sẵn có của đương sự. Ta có thể tưởng tượng một hành động vô luân làm mất giá trị người cao quý đến mức nào!

Ngày kia có hai vị tu sĩ khổ hạnh tên Punna và Seniya, một người tu ép xác, sống như loài bò và một người sống như loài chó, đến viếng Đức Phật và hỏi Ngài về tương lai của mình.

Đức Phật trả lời:

"Thế gian này có người cố gắng ép xác, sống hoàn toàn và thường xuyên như chó, luyện tập thói quen, tâm địa và cử chỉ như chó. Người sống thường xuyên với thói quen, tâm địa và cử chỉ hoàn toàn như chó, sau khi chết sẽ tái sinh giữa loài chó. Nếu người tin tưởng rằng: 'Do lối sống khắc khổ và cao quý này, ta sẽ trở nên một vị Trời hay một hạng thần linh khác', thì chắc chắn đó là một lầm lạc. Đối với người lầm lạc như thế, Như Lai tuyên bố rằng trong tương lai, họ sẽ gặt hái một trong hai trạng thái, cảnh khổ hoặc cảnh thú. Như vậy nếu không tái sinh vào khổ cảnh, người tu khổ hạnh sống hoàn toàn như chó sẽ tái sinh làm bạn với chó. [2]"

Cùng thế ấy Đức Phật tuyên bố rằng người tu khổ hạnh, ép xác sống hoàn toàn và thường xuyên như loài bò, sau khi chết, sẽ tái sinh giữa đám bò.

Vậy, trong sự tiến hóa của chúng sanh có thể có nghiệp đưa xuống. Ngược lại, cũng có nghiệp chuyển lên.

Thí dụ như lúc chết, một con thú có thể nảy ra một bản năng lành. Bản năng lành này có thể đưa đến sự tái sinh

vào cảnh người để thọ hưởng quả lành. Chập tư tưởng cuối cùng của con thú không phải hoàn toàn tùy thuộc nơi một động tác bởi vì theo thường, tâm của loài thú rất chậm chạp và thú khó có thể hành thiện. Chập tư tưởng cuối cùng của thú tùy thuộc một vài hành động lành trong quá khứ xa xôi của vòng luân hồi vô tận. Vậy, trong giây phút sắp chết, thú có thể hồi nhớ lại những cảm xúc hay hình ảnh khả dĩ đưa đến sự tái sinh trong cảnh người.

Một văn hào Pháp, Poussin, hình dung sự kiện này xuyên qua định luật truyền thống:

"Một người có thể giống ông nội mà không giống cha. Căn nguyên của một chứng bệnh đã thâm nhập vào cơ thể của tổ tiên và, qua mấy thế hệ, vẫn tiềm tàng không xuất hiện. Nhưng có thể bỗng nhiên biểu hiện thật sự."

Giáo Lý Nghiệp Báo và Tái Sinh thật là phức tạp.

Từ đâu chúng ta đến? Ta sẽ đi đâu? Và chừng nào đi? Nào ai biết! Nhưng chúng ta phải ra đi, đó là điều chắc chắn.

Tài sản, sự nghiệp mà ta triu mến bao nhiêu, thân bằng quyến thuộc mà ta yêu quý bao nhiêu, sẽ không đi theo ta. Chắc chắn như vậy. Cho đến cái thân này mà ta gọi là "của ta", cũng vậy. Từ cát bụi nó đến, nó sẽ trở về với cát bụi. Danh vọng hảo huyền, vinh quang trống rỗng, tất cả đều tiêu tan theo mây gió.

Vẫn một thân một mình, chúng ta phiêu bạt trong cơn bão bùng, giữa đại dương của vòng luân hồi, trôi dạt đó đây theo cái nghiệp, xuất hiện ở đây dưới hình thú hay người, ở kia như chư Thiên hay chư Phạm Thiên.

Chúng ta gặp nhau, rồi ra đi. Có thể sẽ còn gặp nhau trở lại, nhưng sẽ không nhận ra nhau. Khó tìm ra một chúng sanh mà trong vòng luân hồi vô tận chưa là cha, là mẹ, là anh, là chị, là con, là em, của chúng ta.

Đức Phật dạy rằng nếu có người chặt hết cây cỏ của xứ Ấn Độ, gom lại thành đồng, rồi nhặt lên từng món mà nói, đây là mẹ tôi, đây là mẹ của tôi, thì có thể nhặt hết đồng kia mà chưa kể hết tất cả các bà mẹ của mẹ mình.

Trên bước viễn du trong vòng luân hồi, mối liên hệ giữa chúng sanh thật là mật thiết.

Những kiếp sống vô số kể, những đau khổ vô cùng tận mà chúng ta phải trải qua trong quá khứ được Đức Phật nhắc lại như sau:

"Nếu có thể gom lại xương của một người trong vòng luân hồi, và nếu xương ấy còn nguyên vẹn, thì nó sẽ như một thạch trụ, một chồng, một đồng, khổng lồ bằng quả núi Vepulla.

"Đã lâu rồi, con đau khổ về cái chết của một người cha, người mẹ, người anh, người chị, và trên con đường dài,

mỗi khi đau khổ là con khóc, khóc mãi như vậy trong cuộc hành trình xa xôi thăm thẳm. Nước mắt đã rơi còn nhiều hơn nước trong bốn biển.

"Đã lâu rồi, máu của con đã đổ vọt khi bị chặt đầu, trong những kiếp sống dưới hình thức bò, trâu, trù, dê v.v... Đã lâu rồi, con đã bị cầm tù vì tội trộm cắp, cướp giết, hay dâm loạn, và đã bị hành quyết. Trong cuộc hành trình xa xôi, máu con đã đổ ra còn nhiều hơn nước trong bốn biển.

"Và như vậy, đã lâu rồi con phải chịu biết bao đau khổ, biết bao bút rút dày vò, biết bao là vận xấu và choáng đầy biết bao nhiêu nghĩa địa. Đã lâu lắm rồi, con bất mãn với bao nhiêu hình thức sinh tồn. Đã lâu lắm rồi, đã quá lâu, quá đủ để bây giờ con ngoảnh mặt quay lưng, tìm một con đường khác để lánh xa tất cả."

.....

## NĂM ĐIỀU QUẢN TƯỚNG

Thế Tôn lời dạy tỏ tường

Năm điều quán tướng phải thường xét ra

Ta đây phải có sự già

Thế nào tránh thoát lúc qua canh tàn.

Ta đây bệnh tật phải mang  
Thế nào tránh thoát đặng an mạnh lành.

Ta đây sự chết sẵn dành  
Thế nào tránh thoát tử vong đến kỳ.

Ta đây phải chịu phân ly  
Nhân vật quý mến ta đi biệt mà  
Ta đi với nghiệp của ta  
Dù cho tốt xấu tạo ra tự mình.  
Theo ta như bóng theo hình  
Ta thọ quả báo phân minh kết thành.

Kinh Nhật tụng

.....

"Hỡi người khách lữ hành trên cõi thế  
Đi lang thang vô định đã bao đời!  
Vòng tử sanh sanh tử, nẻo luân hồi  
Trong Tam Giới xoay đi rồi chuyển lại!  
Vô lượng kiếp khóc cha rồi khóc mẹ  
Khóc vợ con, quyến thuộc kẻ thân yêu  
Khóc cửa nhà, tài sản sớm tiêu điều!

Từ vô thi khóc than bao cảnh khổ  
Những giọt lệ đắng cay người đã đổ  
Còn nhiều hơn nước mặn khắp trùng dương!  
Hỡi người khách lữ hành trên cõi thế  
Đi lang thang vô định đã bao đời!  
Vòng tử sanh sanh tử, nẻo luân hồi  
Trong Tam Giới kiếp này rồi kiếp khác!  
Từ vô thi mỗi đời người bỏ xác  
Khấp địa cầu phủ trắng đồng xương khô!

.....

Thế nào tôi cũng phải già, khi tuổi già đến tôi sẽ chấp  
nhận và bình an với nó.

Thế nào tôi cũng phải ốm, khi bệnh tật đến tôi sẽ chấp  
nhận và bình an với nó.

Thế nào tôi cũng phải chết, khi cái chết đến tôi sẽ chấp  
nhận và bình an với nó.

Thế nào tôi cũng phải xa lìa những người và vật tôi yêu  
mến, khi sự chia ly đến tôi sẽ chấp nhận và bình an với  
nó.

Nghiệp là tài sản duy nhất của tôi.

(Thiền sư Sujiva)

.....

## **Tôi chọn làm Tỳ Khuru**

***Dhammesaka lược dịch từ "Verses of Arahant  
Ratthapala",  
Trung Bộ Kinh, Kinh 82 – Kinh Ratthapala***

Tôi đã thấy biết bao người giàu có  
Chưa bao giờ từ bỏ tánh tham lam  
Vẫn mãi mê ham của cải bạc vàng  
Vẫn khao khát chạy hoài theo khoái lạc

Tôi đã thấy biết bao là vua chúa  
Chưa bao giờ an phận với giang san  
Dù biên cương giáp bốn biển ngút ngàn  
Vẫn muốn nữa, muốn biên thùi rộng mãi

Người thế gian, từ bần dân, vua chúa  
Trước tử thần, tâm vẫn còn tham  
Tiếc công danh, tiếc sự nghiệp chưa thành  
Nhưng phải bỏ, tay buông xuôi, nhắm mắt

Quanh người chết bao người than, kẻ khóc  
"Hỡi người thân! Sao vội bỏ ra đi!"  
Trong áo quan, người nằm đó im lìm  
Lửa thiêu đốt, xác thân thành tro bụi

Đem theo gì, trên mình manh vải liệm!  
Còn lại chi, bia mộ khắc đôi hàng!

Dù muốn về trở lại cõi trần gian  
Nhưng phải chịu tái sinh theo nghiệp định

Kẻ còn sống đang tranh giành thừa kế  
Người chết này chỉ có nghiệp đem theo  
Khi ra đi tay trắng chẳng mang gì  
Bỏ con cái, bạn đời cùng của cải

Bách niên đại thọ bạc tiền nào mua nổi  
Biển ngọc rừng vàng sao tránh khỏi già nua  
Lời thánh nhân nhắc nhở lẽ Vô thường  
Ngăn ngủi lắm! Kiếp người, nên ghi nhớ!

Bậc có trí quán tưởng luôn sự chết  
Phút lâm chung tâm bình thản an nhiên  
Kẻ phàm phu không quán tưởng thường xuyên  
Nên phút cuối lâm chung đầy sợ hãi

Trí tuệ quý hơn tiền tài của cải  
Trí tuệ giúp người đạt Đạo Quả Vô Sanh  
Kẻ si mê biết bao kiếp đạt thành  
Trôi nổi mãi trong luân hồi vô tận

Từ bào thai người sanh về cõi khác  
Tiếp tục hành trình đi mãi không thôi  
Còn vô minh, nghiệp quả trói thân mình  
Hết Sinh-Tử-Tái Sinh vòng lần quẩn

.....

## **NĂM NGHỀ NGHIỆP KHÔNG NÊN LÀM**

Đức Phật dạy có 5 nghề mà người cư sĩ tại gia không nên hành, nếu mình hành 5 nghề này thì xem như không có từ bi hỷ xả, tạo nhiều ác nghiệp. Một là, buôn bán khí giới, hai là, buôn bán chúng sinh, ba là, buôn bán thịt sống, bốn là, buôn bán chất say, năm là, buôn bán thuốc độc. 5 nghề này, nếu người Phật tử nào đang kinh doanh, đang làm ăn, nhận thấy không phù hợp thì ta nên thay đổi, Đức Phật dạy, nếu ta làm thì không có tâm từ bi hỷ xả, và ta lại tạo nghiệp rất lớn và sẽ gây ác nghiệp rất nhiều. Dù cho nghề này có nhiều tiền đi nữa, lợi nhuận cao thì người Phật tử chúng ta thấy rằng đây là nghề không chân chánh nên chúng ta phải tìm cách thay đổi. Tại sao Đức Phật dạy không buôn bán khí giới? Quý vị thấy nghề này, hiện nay, những nước cường quốc trên thế giới đang làm giàu bằng nghề này. Xã hội Hoa Kỳ là quốc gia giàu có, phú cường là nhờ thu thuế, du lịch và buôn bán vũ khí. Thì như vậy, buôn bán khí giới cũng là 1 nghề của những nước cường quốc. Ở những quốc gia trên thế giới này có những cửa hàng bán vũ khí. Cho nên, họ buôn bán kinh doanh nghề này dù cho có lợi nhuận cao, có tiền nhiều nhưng xem như là nghề nghiệp không chân chánh, vì nghề này đe dọa tánh mạng của người khác, làm cho tâm con người không hiền thiện và mình tiếp xúc với vũ khí nhiều quá làm tâm của mình cũng ô nhiễm. Đây là 1 loại khí giới nên Đức Phật dạy

mình phải xa lánh, nghề này mình không nên tiếp xúc, không nên phát triển. Mình bán khí giới cũng là hình thức tiếp tay cho những người làm đồ máu nhân loại. Mình làm nghề bán vũ khí cũng là nghề giết người. Ở đất nước ta thì người dân không được sử dụng súng đạn, còn 1 số quốc gia như Âu Mỹ lại bán vũ khí tự do, ai có tiền được phép mua để bảo vệ mình. Nhưng thống kê hàng năm, những quốc gia buôn bán vũ khí tự do để người dân sử dụng thì đa phần có người chết bằng súng đạn lại quá nhiều. Vợ chồng mua vũ khí súng đạn về để tự vệ cho mình khi có tội phạm nhưng không thấy tội phạm đến mà khi họ giận hờn, ghen tuông, bực dọc nhau thì lấy súng bắn nhau. Cái này xảy ra ở xã hội tây phương rất nhiều. Tại sao? Vì con người mình có bản chất là tham, sân, si, mà giận hờn nổi lên, tức tối nổi lên thì có gì phang cái đó, có ly phang ly, có chén phang chén, có dao múa dao; tiếc là mình không có súng, còn tây có súng thì bắn nhau luôn. Cho nên, tự vệ thấy hiệu quả cao như thế nào không biết nhưng có nhiều vợ chồng chết vì súng đạn khi giận dữ nhau. Họ có quyền mua súng sẵn bắn để tiêu khiển vui thú nhưng lại bắn lẫn nhau khi ghen tuông. Vì chúng ta khi giận dữ, ghen tức, bực dọc thì không đủ bình tĩnh, sáng suốt nên dẫn đến hệ quả to tát, hậu quả không lường.

Lại nữa, đa số người sống ở tây phương cướp giựt cũng bằng súng. Mỗi năm như vậy, những người da đen, tội phạm cướp bóc, giựt dọc, khống chế bằng súng nên chết

không biết bao nhiêu mạng người. Dường như xã hội phương tây hằng năm có người chết vì vũ khí, tự sát, vì tham sân si bắn lẫn nhau, bắn người khác để cướp của tăng lên con số nhiều hơn quốc gia đang bị chiến tranh. Và chưa kể đến người có quyền lực mà sử dụng vũ khí này làm nghề buôn bán để làm giàu, để tạo nên thứ gọi là thể lực trong xã hội. Đức Phật là 1 người trí tuệ, 1 vị có lòng từ bi, nhìn xa trông rộng, thấy đây là nghề nguy hại cho nhân loại và là nghề gọi là phi nhân bản. Và điều xa hơn nữa, trong Phật giáo, Đức Phật nói là có 2 loại trí tuệ. 1 là trí tuệ thông thường, đó là nghĩ ra cách chế vũ khí. Người nghĩ ra như vậy cũng là trí tuệ nhưng trí đó không được tán thán, ca ngợi mà Ngài ca ngợi người tu tập phát huy trí tuệ, mà trí đó tin nhân quả nghiệp báo, hướng giải thoát, chấm dứt sanh tử luân hồi thì đó mới là trí tuệ đáng giá. Quý vị thấy có những người có trí rất phi thường. Trong chiến tranh, Mỹ có loại mìn tên claymore, mìn đó nổ vang ghê gớm lắm nên sau này ai nói nhiều, 8 nhiều thì người ta nói là mìn claymore. Thời thập niên 90, đó thì Mỹ chế loại mìn gọi là tô-ma-hóc, loại mìn này, khi thành phẩm của nó lại là do tổ trưởng là người Việt Nam ta, người Việt Nam sống tại Hoa Kỳ. Mìn này có công phá là khi họ thả trái mìn này xuống, lún 5m đi luôn luôn và khi bắt hơi người thì mới nổ, nên người nào ở dưới lòng đất, nơi có hầm thì mìn này công phá hết. Từ đó, ta thấy con người chúng ta dữ dội quá. Và quân đội Việt Nam chúng ta sang Cam-pu-chia vào năm 1979 giúp nước bạn thì Việt Nam có nhiều thương phế binh thời đó.

Sở dĩ có nhiều vì ta bị mìn con cóc, mìn này do Trung Quốc sáng tạo ra. Mình thấy về nhân bản thì mìn này độc hại quá, khi nổ thì không chết mà chỉ cụt tay, cụt chân. Người mà nghiên cứu ra cái này thì tính độc ác cao. Trong chiến tranh, chết thì lấy xác, còn đây không chết mà cụt tay chân thì đồng đội khiêng về cực khổ, sau này là gánh nặng cho người thân và xã hội. Người có trí mà nghiên cứu chế tạo ra vũ khí cũng là trí tuệ nhưng là ác tuệ đe dọa mạng sống cho con người. Nghề buôn bán vũ khí này là nghề không có chánh mạng. Cho nên, Đức Phật dạy người Phật tử không nên hành nghề buôn bán vũ khí và chế tạo vũ khí. Nếu chúng ta không hành theo thì quả báo vô khốc liệt cho kiếp này và kiếp sau. 2 là, Đức Phật dạy chánh mạng là không được buôn bán chúng sanh.

Buôn bán chúng sanh có nghĩa là mình nuôi và buôn bán sự sống chúng sanh, chẳng hạn mình nuôi gà, vịt, heo, tôm, v.v... nên những nghề đó cũng không lành mạnh. Cố nhiên mỗi người chúng ta phải có nghề, có những người có nghề giết mổ, và có những người mỗi đêm phải giết mổ 50 con heo hay 100 con gà, và cái nghề giết mổ chúng sanh này cũng là 1 hình thức bất thiện pháp, nghề nghiệp không chánh mạng. Chúng ta sống ở nông thôn thì việc nuôi heo, gà, vịt, tôm, trâu là chuyện bình thường mà đời sống nông dân nhờ nuôi những thứ đó để sống, nuôi để gia đình ổn định. Nhưng mà chúng tôi nhắc lại nghề này không hợp pháp để mỗi người chúng ta cảnh tỉnh. Nếu ta có nghề này thì mình vẫn tiếp tục làm nhưng

phải hiểu là không chân chánh để cố gắng thay đổi, chứ tôi hỏi quý vị ở miền quê thế này mà mình không nuôi thì dưới này lấy gì làm ăn, vì đời sống ở đây từ khi cha sanh mẹ đẻ đã vậy rồi, nếu giờ mình về kêu họ phóng sanh thì phóng sanh ở đâu, phóng sanh con chó mèo, hay đang nuôi đầm tôm thì phóng sanh cái gì. Nghề nào cứ giữ nghề đó nhưng mỗi người chúng ta biết rằng nếu chúng ta làm nghề nuôi tôm, gà, vịt, heo, trâu, bò thì đó là do bắt đắc dĩ và do nghiệp lực mình gây ra, do mình tạo, biết là bất thiện nên tìm cách thay đổi. Giờ mình khá giả rồi, trước nuôi 50 con, giờ giảm 8 con, rồi sau này bỏ luôn đổi qua nghề khác. Chúng tôi có quen 1 ông sư thầy, ông có quen người đệ tử dưới Long An, người ta xin quy y, ông nói quy y thì trong nhà không được nuôi heo gà. Người ta nói giờ lỡ nuôi thì sao? Ông nói thì đi phóng sanh. Thầy trò thuê xe chở heo, gà đi phóng sanh. Chúng tôi hỏi phóng ở đâu, ông nói lên láng le Bàu Cò phóng sanh. Câu chuyện này có thiệt. Chúng tôi nghĩ ở đó là nơi trồng bạch đàn, mía, thơm, mà con heo trong gia đình nuôi mà thả vô đó thì phóng sanh hay sát sanh. Con heo mà thả vô vùng đó chắc chắn không có gì ăn thì chết, hai nữa là nếu gặp người ở đồn điền thì chắc chắn thành heo quay. Cho nên, 2 người này tâm thì tốt đó nhưng việc làm không trí tuệ. Phóng sanh là tốt nhưng phải phóng ở đâu để bảo đảm cho nó tiếp tục sống được. Điều thứ 2 này, quý vị thấy Phật dạy những người Phật tử không được buôn bán chúng sanh. Ở đây là không được bán gà, vịt, heo v.v... và chúng sanh đây cũng có nghĩa là không

được bán người. Có người bán người đi qua quốc gia khác cũng là buôn bán chúng sanh đó.

Nghề thứ 3, Đức Phật dạy là không được bán thịt sống. Thịt sống là thịt mới giết mổ để cung ứng cho người tiêu dùng. Vì mình buôn bán thịt sống thì mình sẽ tiếp cận với máu nhiều hơn thì tâm mình sẽ trở nên độc ác, hung dữ hơn và vì vậy mà Đức Phật dạy là cấm buôn bán thịt sống. Bán thịt sống cũng là hình thức liên hệ sự giết mổ. Thân khẩu ý bất tịnh. Thông thường, người bán thịt sống, người vợ bán thì chồng giết mổ, hoặc mua lại bán nên gọi là thân bất tịnh; Người bán thịt sống tâm tánh bất thường, lời nói hung dữ, không có vẻ từ bi hỷ xả; Ý ô nhiễm bởi mỗi ngày tiếp xúc với máu, chúng sanh bị giết mổ. Trong nhà Phật, kinh điển có đề cập đến danh từ “Thường cận y duyên” tức là hành động lặp lại, thói quen thường biểu lộ qua oai nghi. Ví dụ, kiếp trước ta là khỉ tái sanh lại, thì kiếp này oai nghi chúng ta có phần hơi giống khỉ. Buôn bán thịt sống là một nghề, chúng ta tiếp cận mỗi ngày, dần dần sẽ huân tập bất thiện, tam nghiệp ô nhiễm, nghiệp quả mỗi ngày thêm chồng chất. Quả báo người buôn bán thịt sống, dù có lợi nhuận cao nhưng không giàu sang quý phái, thường bệnh hoạn và tuổi thọ ngắn.

Nghề thứ 4 là buôn bán chất say tức là rượu bia, ma túy. Bây giờ mình bán rượu bia cũng là nghề không lành mạnh, không chánh mạng. Mình bán rồi ông chồng nhậu

say, vợ chồng đánh lộn, mắng vốn mình rồi sao. Quý vị biết rượu bia là loại vũ khí giết người từng giờ từng phút từng giây. Mình uống nhiều rượu bia thì sẽ bị hư tế bào mình, cụ thể là hư bộ não của chúng ta. Mà con người quý nhờ bộ não, nếu bộ não hư, bộ não bệnh thì trở thành người có xác mà không có hồn, có thân mà không có tâm. Quý vị thấy những người khủng điên ở trong bệnh viện tâm thần ở Việt Nam nhiều lắm. Sở dĩ khủng điên là có nhiều lý do: thất tình, phá sản, uống rượu bệnh nhiều, nghiệp lực, v.v... Chúng tôi có vô những trung tâm thăm và tặng quà cho những người bệnh tâm thần. Ở gần chùa Bửu Quang có bệnh viện tâm thần Thủ Đức có 1200 người, nam nữ có đủ và thành phần điên khủng đủ thể loại, già có, trẻ có, rồi có những người điên khủng gặp chúng tôi họ mới nói là: thầy ơi thầy, thầy xem cho con ngày tốt hay xấu để con xuất viện. Mình biết bà này hay đi thầy bà chuộc bùa ngãi thư ếm, sống trong hoang tưởng nên giờ khủng cũng nhớ vụ đó. Có những cô gái nói thầy ơi thầy về nói chồng con bảo lãnh con ra, con hết bệnh rồi. Có người nói, nhờ thầy nhấn dùm bạn trai con đến chở con về, con sắp xuất viện rồi. Có người gặp mình hỏi thầy ơi, con ngồi thiền con bay lên con đắc thiền rồi. Nghe câu này thấy là dân mình đó, đậu hủ đó. Tất cả trạng thái tâm lý con người bị khủng hoảng, từ khủng hoảng mà mình không khắc phục chuyển hóa được thì dẫn đến tình trạng mất trí, ba lon, mất dây, khủng, rồi dẫn qua điên. Điên thì quá cao rồi. Khủng, ba lon, ba trợn, mất dây thì ai cũng có, nhưng điên thì phải có giấy

của bệnh viện, cho nên, mình đừng nói ai điên vì nó nặng lắm. Mình giận mình chửi thì nói mày mát dây hả, vậy đủ rồi. Nhưng tất cả những trạng thái tâm lý con người bất thường như vậy là do 2 lý do. Lý do gần nhất do rượu bia tàn phá hệ tuần hoàn, bộ não chúng ta dẫn đến mất trí, tâm mình không sáng như những người khác. Và thứ 2, Đức Phật nói là do nghiệp lực. Nghiệp lực có nghĩa là mình từng làm nghề buôn bán chất say, do nghề mình sống không lành mạnh, cung ứng cho những người mua những chất say này uống làm cho gia đình mất hạnh phúc, làm trí nhớ lụi dần theo ngày tháng nên tạo nghiệp hoặc là người này lại làm những nhân bất thiện chửi mắng bậc xuất gia, cha mẹ, hãm hại sa môn, bà la môn, những người có đạo đức lương thiện và họ tạo ác nghiệp do cuồng phong bão tố trăn giặc lòng nào mà họ đốt kinh sách, chùa chiền, xúc phạm hệ thống giáo dục, hệ thống xã hội có trí thức. Cho nên, do những nghiệp xấu họ tạo ra nên khi sanh làm người thì trí óc không lành mạnh, không trong sạch. Vì vậy, Đức Phật dạy không bán chất say.

Thứ 5, Đức Phật dạy không bán thuốc độc.

Thuốc độc hại như là thuốc trừ sâu, trừ rầy, phá thai, v.v... những loại chất độc dẫn đến chúng sanh chết.

Chẳng hạn miền quê chúng ta sống bằng nghề nông, làm vườn mà nếu không sử dụng chất độc này thì ruộng vườn không tồn tại, ngay cả người trồng bông kiềng mà không sử dụng thì cũng không tốt cho cây. Trong giới luật, Đức

Phật cấm vị tỳ kheo trực tiếp trồng bông kiểng, cắt cây, nhổ cỏ, khạc nhổ trong nước. Từ những lời dạy của Đức Phật cho chúng ta thấy tính nhân bản đạo đức mà Ngài muốn bản thân Ngài, giáo đoàn Ngài phát huy trí tuệ, lòng từ bi cao. Nếu Ngài cho tỳ kheo trồng bông kiểng thì đương nhiên sẽ xịt chất này cho cây tốt. Quý vị biết trên cây biết bao nhiêu loài chúng sanh sống trên đó, mình vì bảo vệ cái cây mà xịt thì bên cạnh đó có nhiều sinh linh chết. Cho nên, Đức Phật cấm bán chất độc. Có nhiên là cái gì cũng có 2 mặt, nhưng mỗi nghề chúng ta làm thì phải có 1 cái phước đức, những nghề gì mình làm mà có lợi ích cho cộng đồng đa số, tiến bộ trên Phật pháp, còn những nghề chánh mạng thì càng phát huy. Như vậy, người cư sĩ tại gia có 5 nghề này thì nên xa lánh vì không có tính nhân bản, không có đạo đức và gây nhiều ác nghiệp cho chính mình.

Tính Nhân Bản Trong Việc Chọn Nghề Để Làm Ăn  
Người Phật tử chúng ta phải hướng đến dòng chảy tâm linh giả thoát. Trong nhà Phật, Đức Phật dạy từ Sanh y (upathi). Trong sanh y có tham sanh y, sân sanh y, si sanh y, thiền sanh y, v.v... có nghĩa là tâm mình như thế nào thì mình sanh y thế đó. Nếu hằng ngày trong đời sống tâm từ nhiều thì sau khi thân hoại mạng chung, mình sẽ tái sanh cõi đó. Đức Phật dạy người nào có tâm tham nhiều thì sanh y thành ngạ quỷ, sân nhiều nữa chết thành atula, si nhiều thì sanh vào địa ngục, súc sinh, người có tâm thí, giới, thiền thì sanh làm người hoặc trời. Đó là

sanh y. Cho nên, tâm chúng ta như thế nào thì sanh y thế đó. Một người mà suốt đời quanh năm suốt tháng vì tâm tham, chỉ biết cuộc sống của họ, gia đình của họ, suốt ngày chỉ quần quật trong nghề nghiệp cho đến chết, họ cũng không đi chùa, không niệm Phật không làm lành lánh dữ thì người mang tâm trạng như vậy chắc chắn chết sẽ sa đọa vì tâm nhận thức của họ không có, họ nghĩ là con người sống tại vì họ nghĩ rằng suy nghĩ của họ là đúng nên họ nghĩ họ phải làm cho cuộc sống của họ, họ nghĩ cho gia đình của họ mà không nghĩ tâm linh của họ, không nghĩ có đời sau, nghiệp quả. Họ không tin nghiệp quả, họ nghĩ chết là hết, nên chỉ biết hiện tại, không làm lành lánh dữ, không tạo phước điền. Chúng ta là người Phật tử có tin nhân quả nghiệp báo, quý vị ngồi đây là quý vị có tin, mà mình đi chùa quanh năm, suốt tháng mà tin nhân quả nghiệp báo thì cực quý, hiểu được pháp mầu, tin rồi sợ những nhân bất thiện mình tạo, mình nghĩ rằng mỗi người chúng ta có phước mà phước đó không ở nơi cầu nguyện van xin mà do phước do làm, không làm không có. Chính phước đó theo mình như bóng với hình, chứ bây giờ mà mình lỡ làm ai dám bỏ, bỏ thì gia đình thế nào, nhưng nếu người biết tin nhân quả nghiệp báo thì nghĩ dù cho mình sống nghề này giàu tới đâu đi nữa thì mình chết có mang theo được không, mình có giàu cách mấy mà khi bệnh thì cũng không đủ tiền trả tiền bác sĩ nữa, nếu sống bằng nghề không lương thiện, bất chánh thì nhiều họa đến với mình lắm. Quý vị thấy người buôn bán chúng sinh, làm nghề nhà hàng, 1 ngày tiêu thị giết

mở nhiều thì đến lúc nào đó họ chết rất đau khổ, sự chết của họ sẽ lụn tàn theo ngày tháng, hành hạ thân xác và những người xung quanh. Hành động đó rồi chết thì sa đọa, tay chân tứ chi tê liệt. Người Phật tử chúng ta phải hiểu được điều đó, tin nhân quả nghiệp báo thì mạnh dạn bỏ, mạnh dạn bỏ hay nếu không thay đổi được thì bớt đi. Mà nghĩ mình làm cho số đông, cho gia đình, cho tất cả nhưng nghiệp quả đó mình tạo nên. “Ta đi theo nghiệp của ta, dù cho tốt xấu tạo ra tại mình”. Nếu nghiệp xấu mình tạo thì theo mình như hình với bóng, cuối cùng không thoát được, ác nghiệp đó, người Phật tử tin tội phước, nghiệp báo thì mạnh dạn ngồi thiền niệm Phật, làm phước. Tất cả là mình đang tạo công đức. Hãy nhớ câu thơ của Loan Huỳnh: Hãy sống bằng cái tâm, đừng sống bằng cái miệng, hãy nhìn vào bản thân mình, đừng nhìn vào người khác, hãy làm những việc lành, đừng làm những điều ác, hãy tặng người niềm vui, đừng cho mình những nỗi buồn. Người Phật tử chân chánh chúng ta là phải thể hiện những hạnh đó và làm thiện sự đó để gieo trồng công đức, còn cả cuộc đời ta là phù du giả tạm, mình sẽ già, sẽ bệnh, sẽ chết. Già, bệnh, chết theo ta như bóng với hình. Người thân, bạn hữu nhiều nhưng khi ta chết thì tay trắng mà thôi, ta chỉ mang theo nghiệp xấu hay thiện đã tạo. Cho nên, mình phải huân tập nhiều việc tốt, điều thiện để có phước thiện, làm đẹp cho tâm linh của chúng ta, chứ hằng ngày tiếp xúc chúng sanh, tiếp xúc với chất độc, chất say nhiều quá rồi giờ phút cận tử không nhớ Phật mà nhớ những điều bất thiện đó. Chẳng

hạn mình tin nhân quả nghiệp báo thì dành nhiều thời gian tu tập công phu sám ngời thiền chứ bây giờ mình bỏ nhà đi tu mà nuôi chó nhiều quá, suốt thời gian dành cho chó nhiều hơn thời gian công phu, không phải nuôi chó là xấu mà mình phải hiểu lợi ích của nó, chứ hằng ngày chăm chó nhiều quá thì lúc chết không nhớ Phật mà nhớ cho thì sanh thú ở đâu. Cho nên, người Phật tử tin nhân quả nghiệp báo thì phải làm thiện nhiều. Tất cả chúng ta là vì tiền, kiếm nghề nghiệp để có lợi nhuận nhiều, tiền nhiều nhưng đừng vì tiền mà đánh mất hạnh phúc của mình. Đồng tiền là phương tiện, nhu cầu cần thiết để ta sống nhưng không vì đồng tiền mà đánh mất danh dự của mình thành ra đảo điên.

.....

## **Mười thiện nghiệp và mười ác nghiệp**

Việc thực hiện con đường đi ra khỏi tham, sân, si, luôn luôn được đức Phật quan tâm và khuyến khích chư đệ tử của mình hành trì để từ đó các pháp an lạc được tăng trưởng và các pháp khổ đau được diệt trừ. Nếu không khéo hành trì thì không những các khổ đau tăng trưởng mà các thiện pháp cũng bị tiêu trừ. Để giới thiệu cho chúng ta có một phương pháp hướng thượng đó, trong kinh Saleyyaka (Trung bộ, kinh số 41), đức Thế Tôn chỉ dạy cho chúng ta hành mười thiện nghiệp và loại trừ mười ác nghiệp.

Trong mười thiện nghiệp và mười ác nghiệp, đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy tất cả đều phát xuất từ thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Thân nghiệp có 3, khẩu nghiệp có 4 và ý nghiệp có 3. Để xác chứng lại những lời dạy của Thế Tôn chúng tôi xin tuần tự đi vào nội dung của từng ác nghiệp và thiện nghiệp.

## **I. MƯỜI ÁC NGHIỆP**

### **A. Ba ác nghiệp của thân:**

- 1) Có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.
- 2) Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.

3) Người ấy sống tà hạnh với các dục lạc, liên hệ đến dục tình với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

**B. Bốn ác nghiệp của khẩu:**

1) Có người vọng ngữ đến chỗ tập hội, chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết". Dầu cho người ấy không biết, người ấy vẫn nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy vẫn nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy vẫn nói: "Tôi không thấy". Như vậy, lời nói của người ấy trở thành có ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

2) Và người ấy là người nói "hai lưỡi". Nghe điều gì ở chỗ này, đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại.

3) Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận,

liên hệ đến phần nô, không đưa đến Thiên định, người ấy nói những lời như vậy.

4) Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

### **C. Ba ác nghiệp của ý:**

1) Có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ồi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!".

2) Lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại".

3) Lại có người có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có kết quả của bố thí, không có tế lễ, không có cúng dường, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thực, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Đây là mười ác nghiệp do thân, khẩu và ý tạo tác nếu không đoạn trừ mười ác nghiệp này thì sẽ đem lại khổ đau ngay trong đời sống hiện tại và sau khi thân này kết thúc phải đọa vào trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như đức Thế Tôn đã khẳng định: "Do nhân hành

phi pháp, phi chánh đạo, có một số lớn loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung phải đọa vào trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

## II. MUỖI THIỆN NGHIỆP

### A. Ba thiện nghiệp của thân:

- 1) Có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- 2) Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.
- 3) Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không liên hệ đến dục tình với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

### B. Bốn thiện nghiệp của khẩu:

- 1) Có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết", nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu

thấy, người ấy nói : "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

2) Từ bỏ nói "hai lưỡi", tránh xa nói "hai lưỡi". Nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói với những người kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói đến những lời đưa đến hòa hợp.

3) Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hoà, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

4) Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi.

### **C. Ba thiện nghiệp của ý:**

1) Có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!"

2) Lại có người không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, hại niệm, nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình

này sống không thù hận, không oán thù, không nhiều loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!"

3) Người ấy có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo: "Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thực, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và đời sau".

Đây là mười thiện nghiệp, nếu như chúng ta thực hiện mười thiện nghiệp này thì không những trong đời sống hiện tại được hạnh phúc an lạc mà sau khi thân này kết thúc sẽ được sanh vào cảnh giới an lành. Như đức Thế Tôn đã tuyên bố: *"Do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, ở đây, một số lớn loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, đời này."*

Trong kinh Tăng Chi Bộ, tập II, Phẩm Nghiệp đạo, đức Thế Tôn khẳng định rằng đối với ác nghiệp này, Tỳ kheo nào thành tựu bốn pháp: tự mình làm, khích lệ người khác làm, chấp nhận làm và tán thán làm, thì sẽ bị rơi vào địa ngục; nếu Tỳ kheo nào thành tựu bốn pháp: tự mình từ bỏ, khích lệ người khác từ bỏ, chấp nhận từ bỏ và tán thán từ bỏ, thì sẽ sanh lên cõi trời.

Giáo lý duyên khởi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy: *"Khi cái này có mặt, cái kia có mặt. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt"*. Khi Vô minh xuất hiện thì Ái,

Thủ v.v... đều xuất hiện. Khi Vô minh diệt thì Ái, Thủ v.v... cũng theo đó mà diệt.

Như thế, chúng ta có thể xem mười thiện nghiệp là các nhân tố của vô minh đưa con người đến hố sâu tội lỗi, gây ra khổ đau cho bản thân, cho gia đình và làm rối loạn cho xã hội . Hậu quả của mười ác nghiệp ấy sẽ là:

Hoặc khổ thọ khốc liệt,  
Thân thể bị thương vong.  
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,  
Hay tán loạn ý tán tâm.  
Hoặc tai hại từ vua,  
Hay bị vu trọng tội.  
Bà con phải ly tán.  
Tài sản bị nát tan.  
Hoặc phòng ốc nhà cửa,  
Bị hỏa tai thiêu đốt.

Khi thân hoại mạng chung

Ác tuệ sanh địa ngục. (Pháp cú 138-139-140)

Khi thấy rõ sự nguy hiểm của mười ác nghiệp, đức Phật khuyên chúng ta nên xuất ly chúng và thực hành mười thiện nghiệp để đem lại an lạc cho tự thân, gia đình và góp phần an lạc cho quê hương và thái bình cho xứ sở. Xã hội ta ngày nay đang trên đà phát triển về mọi mặt, kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục v.v... thế nhưng sự khủng hoảng về tinh thần không phải là ít. Chẳng hạn như nạn tham nhũng, ma túy, rượu chè, cờ bạc, mãi dâm vẫn luôn luôn là vấn đề nóng bỏng cần được giải quyết. Nếu thật sự thấy được sự nguy hiểm của mười ác nghiệp

chắc hẳn rằng con người sẽ hành mười thiện nghiệp, vì  
sự an lạc của đời này và đời sau. Kinh Pháp cú dạy:

Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo,  
Nói lên hay hành động,  
Với tâm ý thanh tịnh  
An lạc bước theo sau.

Như bóng không rời hình. (Pháp cú:2)  
Làm được như vậy thì các cá nhân sẽ có phần đóng góp ý  
nghĩa và quan trọng cho sự nghiệp phát triển xã hội ta  
trong hiện tại.

**Hòa thượng Thích Minh Châu**